

Tác Giả và Tác Phẩm

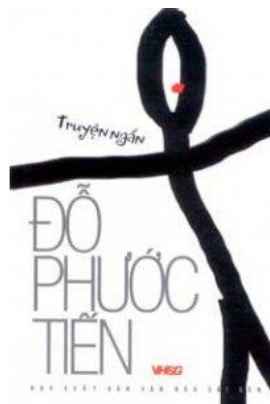
Đỗ Phước Tiến

Tiểu sử

Sinh ngày 14.10.1965 tại Đà Lạt. Hiện sống ở Đà Nẵng.

Tác phẩm

Đảo của dân ngụ cư - Dòng sông đòi nợ - Xanh như hồn phách – Đồng khô nước rờng



Mục Lục

Vài hàng về tác giả – 2
Đảo của dân ngụ cư – 3
Dòng sông đòi nợ - 7

Phụ đính:

Xanh như hồn phách - Nước thánh
Dòng khô nước rờng - Nếu có thông điệp...

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả



Tác giả sinh ở Đà Lạt, nguyên quán tại Đà Nẵng, quê ngoại Cần Thơ. Sống từ nhỏ tới lớn ở Sài Gòn và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Trình độ văn hóa cấp 3. Làm rất nhiều nghề, xếp theo thứ tự thời gian: bán hàng rong, bồi bàn, làm ruộng, lái đò, chế biến nước đường trong hăng kem, buôn bán ve chai, phụ bếp trong quán nhậu, kéo xe bò, thợ nề, thợ gò hàn, làm thịt gà vịt cho nhà hàng, thợ chụp ảnh và 10 năm nay là phóng viên của báo Đà Nẵng. Mới tự thôi việc cách đây 4 tháng, hiện chưa có nghề mới, với vợ, cũng làm nghề viết báo, con gái 12 tuổi và con trai 5 tuổi.

Công bố lần đầu tháng 10. 1992 trên tạp chí *Văn học* với truyện ngắn “*Đảo của dân ngụ cư*”. Sau đăng lại trên báo *Văn Nghệ*, tạp chí *Đất Quảng*, trong nhiều tuyển tập văn học và được dịch tiếng Pháp (Terre des éphémères, bản dịch của Phan Huy Đường & Philippe Picquire – Paris 1994) và tiếng Anh.

Đỗ Phước Tiến vừa xuất hiện đã lập tức được coi là một giọng văn độc đáo nổi bật. 13 năm qua, anh hầu như không tham gia văn đàn và chỉ công bố rất ít tác phẩm: Một trích đoạn cũ “*Xanh như hồn phách*”, “*Đồng khô nước ròn*”, “*Giấc mơ đồng bằng*”. Chúng tôi xin giới thiệu “*Dòng sông đời nợ*”, một truyện ngắn chưa công bố của Đỗ Phước Tiến, và nhân dịp này lần đầu tiên đưa lên mạng truyện ngắn nổi tiếng “*Đảo của dân ngụ cư*”.

Talawas

(*Bản đăng trên Talawas với sự đồng ý của tác giả*)

Đảo của dân ngụ cư

Sau một thời gian dài lang thang khắp miền duyên hải, cái đầu nhọn của tôi dài thượt ra, sạm đi, quắt queo như một trái đậu bắp khô. Cùng một gã Triều Châu mắt lác, tôi sẵn lòng những cái đồng hồ cổ lỗ sĩ, gọng kính cũ, vỏ đài bán dẫn, bình xăng máy đuôi tôm, bảng đèn hiệu của xác trực thăng. Tóm lại, tôi kiếm sống bằng cách tìm mua những phế phẩm đã thối tả đến lục phủ ngũ tạng. Những chiếc móc sắt kềm cày trong kho trạm khai thác nông sản chẳng hạn, dây xích lòng thông có thể gông trọn một chiếc máy cày. Doanh nghiệp giang hồ gần năm năm không lúc nào trôi chảy một phần cũng tại cái xứ sở nhiệt đới đồng đánh này, hết mưa rồi nắng. Khi đã mòn nhẵn tất cả các túi, chúng tôi mới sáng mắt trước một trực trặc khó mà bù đắp nổi: cả hai đứa đều chậm chạp và kiệt xác. Rồi vận hội nữa, nếu ai đó tin rằng đi buôn lạc xoong cũng cần có vận hội.

Gã Triều Châu mảnh dẻ như một cọng rơm, tính khí thất thường và keo cú khủng khiếp. Bùa hộ mạng của gã là một cái chuông lắc to đùng như cái loa phóng thanh. Những vố thua đau đớn khiến hai đứa thường xuyên cay cú, hực hực và hắc ám như những lão phù thủy. Bọn đồng hành của tôi cứ cười sặc sụa suốt ngày. Cái chuông dị hợm của gã rung thấm thiết khắp nơi, dội lên những thôn xóm quanh hiu trong gió chướng âm thanh sùng sục của đói khát. Khi gia sản đã tiêu tán hoàn toàn, chúng tôi nằm liệt hai ngày cạnh một hầm cá tra, thờ đến tốp người đi và mơ màng một nồi canh chua với rất nhiều trái giác, một nồi canh khổng lồ. Bụng hai đứa sôi lên vì mặc cảm bất tài, vì ân hận và vì những ám ảnh bất trắc. Khi bình minh êm ái lướt qua những đọt rau đắng non, rau đồng tiền và rau kinh giới, gã Triều Châu gượng dậy trước tiên. Cố vận dụng sức tàn, gã trình bày với tôi về một lối thoát cho cả hai. Gã giảng giải rằng dù có ra sao, tôi với gã vẫn cứ là những trang nam tử. Một nồi canh mơ mộng làm sao đủ nuôi được chí lớn? Rằng cơn ác mộng tha hương này phải kết thúc thôi, ngay tại đây, cạnh cái hầm cá tra này. Rằng vận hội của hai đứa sẽ không như những cơn mưa nhiệt đới, trời già chẳng tuôn xuống bao giờ. Cần phải đi mà tìm, như đàn bà vậy, chộp lấy và nuốt chửng, dù có ở trong túi người khác cũng mặc. Và còn một trăm cái răng khác nữa, đặc sệt mùi cá kèo khô với bánh dứa không nhân. Tôi nghe gã, mệt mỏi rã rời, và nhụt chí nữa.

Rồi có một ngày xuân rất xanh, hai đứa chúng tôi chia tay nhau giữa cơn cùng quẫn. Tôi đi lên phía Bắc, cố bứt thật xa những cánh đồng nước mặn với hoàng hôn tím ngắt trong giấc mơ tha hương. Gã Triều Châu trở lại miền cực Nam, lo phần hậu sự. Kế hoạch của chúng tôi mở đầu như vậy.

Nhà chệt Liếm rất dễ tìm bởi cổng gỗ sơn đỏ chói, hàng rào cây mắm có dây nhện lỏng và những chùm trái giác tròn trĩnh cuốn quanh. Lúc tôi đến, quán ăn đã cũ kỹ lắm rồi, tường vôi có mái lợp ngói âm dương đã hờ mống. Khu nhà phía sau như cái bẫy chuột, gác gỗ xấu xí, ống thông khói như cái bàn chải răng dựng đứng. Toàn bộ cấu trúc u ám, mờ nhạt và rối rắm. Thị xã lúc nào cũng mù mù bụi. Trên những con phố chật chội, những quần thể kiến thiết đơn điệu như vậy còn lại rất nhiều, âm thầm bực thếch dưới nắng xuân.

Theo kế hoạch, tôi sẽ ở phụ việc trong nhà chệt Liếm khoảng hai năm, vừa đủ để tỉnh hồn. Trong thời gian này tôi sẽ tập làm đủ thứ: nếm rượu, cuốn chả hấp lạp xưởng, ướp kim tiền kê và muối những quả trứng bắc thảo. Có thời cơ sẽ nghiền ngẫm món xào chua thập cẩm hay lẩu cá chẻm. Sành sỏi được món hầm như sa tế thì coi như bá chủ căn bếp. Xin nhớ cho: căn bếp của một thương nhân gốc Hạ Môn. Đó chính là lối thoát mà tôi và gã Triều Châu đã thoả thuận.

Tôi là đứa tồi tàn, đúng vậy. Mấy mùa qua tôi đã vận động nhiều hơn một con bò và dư sức hiểu rằng cần phải vận động nhiều hơn nữa nếu không muốn bẹp gí như một con gián trong khi chen lấn với cuộc đời. Tôi cũng có quyền được ăn no ngủ yên như người khác. Hơn nữa, tôi chẳng thích sống một mình chút nào.

Ngoài gia đình chệt Liếm, trong quán còn có một người khách Gia thanh lịch khác khổ, một người Ấn lai Việt đứng bếp và một người Khmer xuất phát từ miền châu thổ sông Hậu. Tất cả đều làm lì, rình rập lẫn nhau và bao giờ cũng chu tất phần việc của mình.

Tôi rất thích ông Khmer, một người trầm lặng và hào hiệp, to xám như một con chuột đồng. Tình bằng hữu của chúng tôi bắt đầu bằng cái bật lửa có nắp mở kêu tanh tách của tôi, di vật cuối cùng của một thời lang thang. Ông Miên rất vừa lòng mặc dù bọc cao su đựng thuốc gò của ông xếp cạnh cái bật lửa rất chướng mắt. Trong lúc tôi chui vào một

hốc tối, lặng lẽ ngón những miếng sườn còn lại từ hôm qua thì ông Miên, khăn rằn quấn quanh bụng, điềm nhiên quán thuốc cạnh tấm thép chắn lò. Ông phục vụ chệt Liếm đã lâu, có lẽ còn trước khi cái sinh mạng hèn mọn của tôi xuất hiện dưới gầm trời này. Cách mổ bụng của ông hoàn toàn theo kiểu cổ: từ dưới lên, hơi chéch qua trái một chút. Người Khmer không có thói quen thay đổi chỗ ở cũng như phương thức kiếm sống, và đó cũng là đặc tính chung của cây cỏ nhiệt đới.

Nhiệm vụ của ông Miên trong quán thật nặng nề. Mỗi tuần ngoài phần việc cố định, ông còn phải hạ thịt từ hai đến ba con dê, có thể là bốn nếu vào những dịp vui vẻ. Những con dê mới đến còn rất tơ, được vỗ béo kỹ càng, lông óng mượt như vừa mới chui ra từ những nụ so đũa cuối đông. Chúng được phục đến say khướt bằng một thứ rượu mía nồng nặc, bị đuổi chạy khắp thị xã với cái lon rỗng cột sau đuôi cho đến mệt lử. Những con dê đó chết rất nhanh trước mũi dao thiện nghệ của ông Miên, mình mẩy dẫm mồ hôi và đầy mắt mỡ to còn tràn ứ khoái cảm.

Quán mở cửa suốt ngày, nhưng chỉ khởi sắc muộn màng khi chiều xuống, lúc những cơn lốc bụi đã dịu đi.

Người khách Gia cột ngang bụng một tấm vải hoa sặc sỡ. Ông phun nước lên sân gạch, xếp thêm bàn ghế với phong thái đạo mạo cổ hũu. Ông người Ấn nặng nề xoay trở quanh những tấm thớt, tráng cái chảo hai quai trên bếp bằng động tác hờ hững khinh bỉ. Ông Miên muối những tảng thịt dê còn bốc khói, còn tôi thì đánh vật với cái máy xay gia vị cứ lòng lên sòng sọc. Khi đèn măng-xông được thắp lên, chệt Liếm vui vẻ xuất hiện. Ông cười hào sảng giữa những thực khách, ly rượu pha sôđa lấm tấm hơi nước trong tay. Ông quan sát từng đĩa thức ăn dồn dập mang ra với đôi mắt tinh táo cân nhắc. Chệt Liếm cũng có phần việc riêng và ông không bao giờ cho phép bất cứ ai trong chúng tôi làm thay. Treo những chiếc đèn lồng trước cổng, rót rượu cho thần tài, thanh toán tiền với khách, đó là phần việc của ông.

Hoàn tất phần việc của mình sớm nhất là ông người Ấn. Trong lúc chúng tôi cọ rửa, thu dọn thì ông ta lui vào một góc riêng, làm rằm những bài kinh dài lê thê trước đĩa đèn dầu. Cái xác phàm chảy xệ của ông rũ xuống trong lúc trò chuyện cùng đấng tiên tri.

Đắp xong một chục lò mạt cưa, tôi tìm cách trèo lên gác với chị Chu. Ở trên đó, chị Chu luôn phải ngồi một mình và chờ đợi từ ngày này qua ngày khác với những con gà nhựa có thể gáy được mỗi khi lên dây cót. Chệt Liếm cấm tất cả mọi người lên gác, trừ xiêm Hoa. Tôi ra vào bằng mái thông gió và bòn chòn căng thẳng mỗi khi ở gần chị. Tôi biết, không phải một mình tôi đến với chị. Có một buổi sáng chệt Liếm từ trên gác bước xuống. Ông đi thẳng một mạch ra sàn nước, nơi ông Khmer đang cặm cụi rửa những bình đất đựng rượu huyết dê. Chệt Liếm đến gần, mắt dán chặt vào gáy ông Miên. Hai người gằm gằm nhìn nhau. Sau đó chệt Liếm rút trong túi ra cái bật lửa có nắp mở kêu tanh tách, ngắm nghía nó một lát rồi đặt trên nắp lu nước, sát người ông Miên.

Rồi ông lẳng lặng bỏ đi.

Chị Chu kể với tôi rằng, chị đã ngồi trong cái hộp gỗ của mình từ lâu lắm rồi, từ khi biết ngồi, và sẽ còn phải ngồi cho tới bao giờ cả căn gác tan đi, tan vào thình không theo khói mạt cưa hàng ngày dưới quán xông lên. Tôi không tin. Tôi ăn những mẩu bánh nướng chị để dành từ bữa trưa cho chị yên lòng rằng tôi là một đứa con nít, chẳng làm hại được ai. Tôi nấn bóp những bấp thịt mỡ nhừ của chị vì ngồi lâu, nghe chị kể lại những đêm rằm vàng nguyệt ánh trăng, chị ngồi chờ áng mây vẩy cá phiêu bồng qua hiên gác. Chị bảo tôi

ngồi im, lắng nghe tiếng thời gian gõ lốc cốc trên những mái ngói âm dương, len lỏi qua những hẻm phố tối tăm lờ mờ. Cái thế giới bạo động liên tục phía dưới, và chệt Liếm nữa, hoàn toàn không dính dáng gì đến chị. Một tay và một chân chị chỉ còn da với xương do chứng liệt cơ bẩm sinh.

Chệt Liếm đối xử với chúng tôi rất tốt và chưa bao giờ tôi nghi ngờ lòng nhân hậu của ông chủ. Ông xứng đáng là một người đàn ông Trung Hoa, nổi ô nhục do chị Chu gây ra ông đã biết từ lâu mà vẫn âm thầm chịu đựng với một nghị lực phi thường. Ông điều khiển cơ đồ của mình chính xác đến từng cái nút chai. Những miếng sườn tôi ăn trộm thật ra đã thiu rồi, cho nên đối với chệt Liếm chúng không còn mang ý nghĩa vật chất nữa. Ông sẵn sàng khen ngợi không tiếc lời một bó rau cần vàng úa hay giỏ nắm mèο nhảu nhúm thẳm hại chỉ vì chủ của chúng đã mang đến cho ông từ những thôn ấp khô cằn xa xôi. Tóm lại, chệt Liếm có đầy đủ phẩm chất của một thương gia trung bình, và chỉ có vậy thôi. Thời trai trẻ ông đã không biết tìm, bằng mưu lược của mình, một điểm tựa có sức đàn hồi để vọt đi xa hơn. Còn tôi, tôi đang tìm cách bổ sung thiếu sót của ông: chị Chu là một trong những mục tiêu của tôi, với gã Triều Châu nữa, tất nhiên.

Tôi dành ngày càng nhiều thời gian cho chị Chu, và tâm lực nữa. Những lúc chị tuyệt vọng nhất chính là lúc tôi cảm thấy tự tin nhất. Tôi rất ghét nước mắt, nước mắt và sự im lặng. Những giọt nước mắt của chị Chu lăn suốt đêm chưa tới cằm. Nó khiến tôi nhớ đến cái thân phận khốn nạn của mình. Tôi ôm chị Chu vào lòng và bắt chước gã Triều Châu, tôi giảng giải cho chị nghe rằng mây vẩy cá chỉ là một đám hơi nước lẫn thẳm và ngu ngốc. Thời gian và gió tha hồ rửa rói tẳm thân mỏng mảnh bạc nhược của nó. Mà thời gian là gì, tiếng lốc cốc là do chiếc trống dây tự va đập vào nó trong lúc cùng người nhuộm đồ rong lang thang tìm kiếm một miếng ăn vô định. Thời gian là sự vận động hết sức nhằm nhĩ của cảm giác, rất bấp bễnh bởi vì nó không hề có định mức. Chẳng phải chị hay tôi, hay bất cứ một người nào khác, chúng mình như những chiếc máy cày chỉ làm mỗi một việc là lê lét mỗi mòn qua cánh đồng thời gian, và khát vọng hiện hữu có hơn gì một cái móc sắt han rỉ? Ngồi một chỗ như chị hay suốt đời di động như tôi thì có gì khác nhau. Bao giờ còn chưa quên vị trí xuất phát của mình, thì tôi với chị vẫn chưa bước nổi một bước, dù chỉ một bước, trong cuộc đời.

Tấn tuồng của tôi với chị Chu kéo dài hơn nửa năm. Sau đó tôi không thể tiếp tục vì không còn đủ sức. Trong lúc soạn thảo kế hoạch với gã Triều Châu, tôi đã không lường trước tình huống này. Trong lúc ôm ấp thân thể trần trụi của chị Chu, tự đáy lòng tôi đã thành khẩn tin rằng mình đang làm một điều thiện, hết sức chân thiện. Giống như những thứ thổ tả tôi sẵn lòng ngày trước, dù đã tòi tàn, đôi khi chúng vẫn mang giá trị vật chất vượt ra ngoài những ước lệ của quy chế trao đổi. Chị Chu cũng vậy, lúc vùi đầu vào bộ ngực mềm ảm của chị, tôi cay đắng nhận ra rằng vang sâu trong cái sinh vật dị dạng đang rệu rã kia là những cơn bùng nổ liên tục của khát vọng làm người, của những đam mê hết sức chân thành, trong trắng. Linh hồn của mỗi người, nếu quả có nó, thật ra không ản nhập gì với các xác phàm mà nó ản nấu cả. Cho nên tự do tâm linh dễ dàng trở thành một thứ nhu cầu đòi truy bởi thói tắ trách vô liêm sỉ của nó. Tôi cố gắng lèo lái những cuộc ái ản với chị Chu mềm mại hơn so với trí tưởng tượng thô thiển của mình. Tôi luôn bị ản ảnh bởi nỗi hờn ghen trẻ con rằng trên cái giường của chị Chu, trước tôi đã có những trận luyến ái bão táp kinh hồn. Và tôi chỉ là một thứ hình nộm để lấp đầy khoảng trống giữa hai cơn bão. Với những cơ bắp rắn chắc và lì lợm, ông Miền dồn ép quần quật chị Chu bằng những động tác quyết liệt và chi li, giống như đang đối xử với những con dê tử tội vậy. Biết làm sao được, có thể đó cũng là một dạng phân tâm bệnh lý. Trong tay tôi, chị Chu cũng ngắt đi rất nhanh, mình đả mỗ hôi và lớp lông tơ trên ngực chị đổ rục khoái cảm.

Dù rất yêu chị Chu và luôn luôn tâm niệm với mưu đồ dựng nghiệp, tôi vẫn không sao quen được với lối sống đơn điệu và tẻ nhạt của mình trong nhà chệt Liếm. Thời gian qua, cùng chui rúc trong cái hộp gỗ lưu cữu mùi củ cải muối với chị Chu, tôi đã hiểu ra được nhiều điều. Nhiều khi bắt chước chệt Liếm, tôi cố đánh tan những dự cảm đen tối bằng cách nốc thật nhiều rượu vào. Những ly rượu cay xé lưỡi dĩ nhiên cũng là của ăn trộm. Và càng uống nhiều, tôi càng tin tưởng rằng mình đã khôn ra thật. Mặc cảm về sự hèn mọn của mình là động lực thúc đẩy con người vượt lên trên, nhưng đồng thời cũng vì nó mà con người đã tự vùi dập không thương tiếc chính cuộc đời mình.

Rồi một ngày, một ngày mà xuân cũng rất xanh, tôi từ bến đò trở về, ì ạch kéo theo một xe đầy mạt cưa. Cơn lốc tháng ba lồng lộn qua những hẻm phố, nhét đầy miệng tôi những hạt cát vừa khô vừa mặn. Cổng gỗ trước quán mở toang, sân gạch vắng ngắt. Dưới hiên, ông già người Ấn ngồi thờ thần ngắm những con ruồi đang phơi nắng, đĩa đèn đặt bên cạnh. Phía sau, lơ lửng trên cái bẫy chuột có tiếng đàn bà khóc râm rứt. Tôi đi vào, ê ẩm choáng váng vì những dự cảm chẳng lành, vì mệt và nắng. Nhà sau cũng vắng vẻ. Tiếng khóc ní non trên gác. Lạy trời, lẽ nào những dự cảm đen tối của tôi đã thành sự thật? Tôi không tin. Nhưng rõ ràng đêm qua tôi đã chứng kiến cuộc đụng độ giữa chệt Liếm với ông Miên ngay dưới chân thang gác. Chệt Liếm là một người đàn ông phi thường, tôi tin chắc như vậy.

Thấy có bóng người nhón nháo trên gác, tôi phóng lên.

Trên cái giường mà tôi với chị Chu vẫn lét lút với nhau hàng đêm, giờ cũng có hai người. Chỗ của tôi, cũng là chỗ của ông Miên, được thay bằng xiêm Hoa. Chị Chu nằm ngửa, cảm trĩ xuống, mắt trợn trừng trông thật kinh khủng. Xiêm Hoa cong người như một con tép sắt, nức nở trên người chị. Trên cái bàn thấp kê sát đầu giường, bữa ăn đang dở dang, cơm văng tung toé, một chiếc đĩa gãy cắm trên chiếu. Tiếng khóc không thoát ra từ đôi vai rung rẩy của xiêm Hoa mà dội trừn trên mái ngói đầy bồ hóng xuống.

Người khách Gia đứng dưới mái thông gió, cần cổ duỗi ra chống đỡ cái đầu đang gục xuống vì xúc cảm. Ông Miên tựa vào tường cạnh cái bàn thấp, bộ mặt làm lì của ông phồng lên, đỏ lửng. Chệt Liếm ngồi cứng đờ trong chiếc ghé duy nhất có trên gác, mặt nhợt nhạt, những con gà nhựa lằn lóc dưới chân ông. Không có khói mạt cưa, nhưng căn gác như sắp tan ra thật, tan ra vì những ánh mắt thù địch, vì hơi thở căm giận ngấm ngấm của những đàn ông, dồn dập và sôi sục.

Tôi ngồi bệt xuống dưới sàn gác. Tiếng trống dây của người nhuộm đồ rong lảng vảng đâu đây, rồi bất ngờ nổi lên âm âm như tiếng trống trận trong đầu tôi. Rất mơ hồ, tôi thấy ông Miên nâng tô canh trong mâm cơm lên, múc ít nước canh đổ vào lòng bàn tay, chà xát rồi ngửi. Điệu bộ của ông lúc đó rất giống dáng dấp bản khoả của con chuột đồng trước miếng mồi đã bị đánh bã. Ông dăm dăm nhìn ra hiên gác, nơi những thanh gỗ mỏng lấp chéo nhau tạo nên một góc trang trí mờ tối. Có lẽ đó là nơi hẹn hò của chị Chu với đám mây vẫy cá hoang tưởng. Rất lâu, tôi cảm nhận sự vận động chậm rãi ấy bởi hàng trăm tiếng lóc cóc đều đặn xuyên qua đầu mình, tôi thấy ông Miên bưng tô canh đến gần cái ghé duy nhất trên gác. Rất bình tĩnh, ông chụp tô canh lên đầu chệt Liếm, nhẹ nhàng và từ tốn. Lá cải trôi từ đầu chệt Liếm xuống chân mày, xuống gò má, xuống cằm rồi rơi nhanh xuống đùi. Chệt Liếm vẫn ngồi cứng đờ, hai tay bóp chặt thành ghé. Sắc vàng đục đục của nước canh loang chậm chậm trên mặt ông. Phủ tay với vè hủ hê, ông Miên chệnh choạng đi xuống. Rồi ông đi mãi không bao giờ trở lại nữa.

Vài ngày sau đám tang chị Chu, đến lượt ông người Ấn ra đi. Ngày xuân chưa kịp tàn,

những con ruồi trơ tráo sau khi tắm nắng thoả thuê đã nhảy vào đĩa đèn của ông, vùng vẫy rồi chết luôn trong đó. Ông người Ấn rũ người đi khi chứng kiến đức tin tận tụy của mình đã bị đấng tiên tri phỉ báng. Ông bỏ đi không nói với ai một lời, chẳng buồn thanh toán số tiền dầu lâu nay chệt Liếm vẫn cung cấp cho ông.

Ông khách Gia rồi cũng ra đi, chệt Liếm không thể giữ ông ở lại. Ông đã già yếu đến mức không còn giữ được phong thái đạo mạo cổ hữu nữa. Liên minh của chệt Liếm đã tan rã. Trong liên minh hỗn hợp của ông, những phần hồn tha hồ lang thang trong khi mỗi phần xác chỉ biết chu tất phần việc của riêng mình. Nhưng sai lầm vẫn có thể cứu vãn nếu chệt Liếm không để cho khái niệm cân bằng tồn tại trong căn quán của ông. Vậy mà ông vẫn để, và hành động vũ lực chỉ khiến mọi thứ nhanh chóng sụp đổ. Bởi vì cái sườn gia phong của ông có khác nào bức tường đã hở móng.

Cuối cùng người ta cũng tống cổ tôi ra khỏi cánh cổng gỗ sơn đỏ sau khi đã giải quyết xong những mẫu xương dê còn lại. Nằm bên vệ đường, trong lúc chờ đợi một thời kỳ cùng quần nữa lại đến, tôi nghiền ngẫm đủ điều. Tôi không tiếc những tháng năm đã mất trong cái bẫy chuột của chệt Liếm. Làm sao tôi có thể san sẻ với họ, những người tồn tại phía sau hàng rào dây nhện lỏng kia, một cuộc sống lâu bền được. Tôi nghĩ đến gã Triều Châu. Trong cuộc chia tay ngày ấy, giữa tôi với gã nào biết ai đã may mắn hơn ai. Là người Trung Hoa nên gã hiểu người Trung Hoa hơn tôi. Gã hiểu chệt Liếm nên thay vì dấn thân vào, gã đẩy tôi phiêu lưu trong cái bẫy chuột của ông. Cứ để gã ôm ấp căn quán tương lai trong giấc mơ êm đềm ở miền cực Nam, tôi sẽ tìm cho mình một con đường khác. Tôi không phải là đứa phụ bạc, với cặp mắt lác gã có thể cùng lúc nhìn thấy hai phía của cuộc đời. Còn tôi, sẽ không bao giờ, suốt cuộc đời còn lại, không bao giờ tôi còn có được hạnh phúc nữa, không bao giờ.

Dòng sông đòi nợ

Rạng sáng ngày thứ năm, ông già được đưa qua chùa. Một buổi sáng mùa thu chậm rãi và tàn tạ. Chỉ có những cơn gió ủ đã lâu mùi giun để thổi qua mắt những người lo liệu việc hoả táng đã không ngủ suốt đêm hôm trước. Con đường dẫn đến chùa, tuy không xa nhưng hẹp và phủ đầy đất bùn, những ngọn đuốc của họ mù mịt khói lưu huỳnh, làm đỏ rực lá cờ phạn. Đêm qua, sau khi chắt xong củi cho hầm thiêu xác, họ trở về nhà cũng bằng con đường này, con đường có hai hàng trâm bầu bạc trắng dưới ánh trăng.

Thằng nhỏ đi giữa dòng người dài dằng dặc, sau lưng cha nó và những nhạc công đánh đàn ngũ âm. Khắp người nó nổi gai vì căng thẳng, vì tiếng kinh cầu siêu và tiếng va đập của cái nồi đất trên ngọn cờ phạn. Đưa con gái đi cạnh nó có một đôi mắt nâu đỏ của màu giun đất, tròn căng, sưng phồng trong ánh lửa.

Đêm hôm trước là một đêm khủng khiếp nhất trong đời thằng nhỏ. Khoảng nửa đêm, nó giật mình chồm dậy. Nấp áo quan mở tung và ông nội nó đang giận dữ trèo ra. Những cuộn vải quấn ngang ngực, bụng và chân ông rơi lả tả. Ngồi co ro trên bậc cửa, thằng nhỏ chờ nghe tiếng ông gọi, nhưng nó hoài công. Chỉ có tiếng gõ đục chậm rãi vang lên ở đâu đó rất xa, và khoảng sáng ở sau lưng ông nó ngời lên sắc tím như màu chiều cô quạnh trên bãi sông. Ông già đứng lơ lửng trên áo quan trang trí hoa văn, sau ngọn đèn cây đã tắt từ lúc nào. Bụng ông già phanh ra, khoang bụng trống hoác. Thằng nhỏ nhìn thấy ở đó, như một cái hang thăm thẳm, lờ mờ một căn chòi xiêu vẹo bên cạnh đỉnh một ngọn tháp vút lên kiêu hãnh. Ông già cất tiếng cười. Trong tay ông phấp phới lá cờ phạn màu

trắng hình cá sấu. Tiếng cười chát chúa của ông dội lên mái hồi ám khói khiến thằng nhỏ rưng rùi chân tay. Chợt ông già rít lên the thé rồi phóng lá cờ đến trước mặt thằng nhỏ. Đất trước mặt nó nảy lên bần bật rồi nứt ra. Từ những kẽ nứt, chuột lúc nhúc chui lên, hồn nhiên kêu chí choé. Thằng nhỏ thét lên: “Ông ơi! Đừng ông ơi!”.

Khi cha nó đánh thức, thằng nhỏ gần như phát điên. Người cha lo lắng kẹp cứng đôi vai gầy gò của nó trong hai cánh tay hộ pháp. Mùi rượu tởm từ người ông khiến thằng nhỏ hồi tỉnh, và nó khóc ngất. Nghe thằng nhỏ kể lại giấc mơ, mặt cha nó sạm đi. Ông nhìn lên bệ thờ, và mắt ông cũng nhoà lệ. Ngọn đèn cầy đã cháy từ năm ngày trước, ngọn đèn biểu tượng lòng nhân đức của người chết, đã tắt ngấm.

Ngày thứ tư của tang lễ, khi những bình rượu tởm đã cạn đi quá nửa, có năm người đàn ông rời đám tang xuống ghe. Năm người, trong đó có thằng nhỏ, bởi nó cũng đã là đàn ông. Vụ thu hoạch vừa rồi, thằng nhỏ đã ăn nằm nhiều đêm liền với đứa con gái có đôi mắt màu giun đất trong chòi giữ lúa.

Năm người, nâu bóng và lực lưỡng, thay nhau chống ghe qua con lạch tù đọng. Họ ra sông lớn. Trên bãi sông có một căn chòi. Chủ căn chòi đi vắng, ông ta đang chuyển mía qua đập nước. Năm người cắm sào trước căn chòi. Khi đi họ chỉ mang theo ít thuốc sợi và một vài loại nông cụ. Trong lúc chờ đợi, họ nằm ngồi lẩn lóc, liên tục cuốn thuốc. Mấy ngày qua, lễ tang đã vắt kiệt sức họ. Vào những ngày đầu để chuẩn bị hoả táng, họ đã phải bôn ba khắp những cánh đồng nước mặn phương nam. Không gặp may, họ chỉ chở về với một ít đước non. Mùa thu năm trước, do thời tiết người chết hàng loạt và rừng đước khô phương nam chưa kịp hồi phục sau những trận tàn phá dữ dội của người sống.

Năm người chờ từ sáng đến giữa trưa, nhẩn nhục như những cây bình bát khô trong nắng. Thằng nhỏ cuốn thuốc nhiều nhất, cổ họng nó rất bỏng. Thằng nhỏ đã nghe cha nó kể rằng chủ căn chòi là một người đàn ông mắt nâu phương bắc. Vì một số sai lầm nào đó trong chiến tranh, ông ta sa vào ngục. Khi được tự do, ông ta trở thành kẻ tay trắng. Ông nội thằng nhỏ đã giúp đỡ. Chuyện xảy ra đã lâu, lúc thằng nhỏ chưa trở thành đàn ông. Người đàn ông bất hạnh vẫn chưa trả được nợ cũ, dù bao nhiêu năm đã trôi qua và ông nội nó không còn nữa.

Đến chiều thì thuốc hết. Năm người lần lượt đứng lên. Họ nhìn nhau, băng khuâng trong chiều tím cô quạnh. Rồi cha thằng nhỏ cầm lấy một cây cuốc. Bắt đầu với mái lá, họ dùng dao bầu gỡ xuống. Giàn kèo mỏng mạnh biết bao. Nhưng đến cột chống thì họ phải dùng cuốc đào nền nhà lên, nhân đó tóm được một ổ chuột độn trú dưới chái bếp. Năm người làm rất nhanh, không gây tiếng động. Sau khi chuyển những thứ tháo gỡ được xuống ghe, họ cắm lại giữa miếng đất bị đào xới tứ tung một cây cọc tre, đầu cọc cuộn một lá cờ trắng hình cá sấu. Năm người ra về thong thả, cắt trên con lạch những đường nước ngoằn ngoèo.

Mờ sáng, dòng người đã vào hết trong chùa. Hàm thiêu đặt trên bến sông, củi xếp thành đống vuông vắn. Dòng người di chuyển qua lối đi lát đá. Vị sư cả đang đợi họ, một vị sư khác đứng cạnh, với cà sa trong tay.

Tay người điều khiển lễ tang lật vải che mặt thi hài. Sinh thời, người quá cố là một ông già kiêu hãnh và giàu lòng hào hiệp. Ông già thường ngồi quán thuốc lá trên bậc cửa vào mỗi buổi chiều từ đồng xa trở về. Ngồi rất lâu, mắt nhìn thẳng, râu cằm nhẵn nhụi. Ông già đã đi hết cuộc đời trên một con đường duy nhất. Bắt đầu từ cánh đồng, buổi chiều trên bậc cửa, không một sợi râu và tia mắt chưa bao giờ sụp xuống. Trong áo quan bây giờ là

một súc thịt màu gỗ lim, chóp mũi trương phồng gần chạm nhân trung. Đã năm ngày đêm liền, cùng với những bài kinh cầu siêu, lòng kiêu hãnh nông dân của ông già đã bình yên trôi qua đỉnh tháp nhọn của chính điện, nơi chưa bao giờ những cơn gió mùa thu chạm tới được.

Khi bắt đầu công việc tắm liệm, người ta đã mổ bụng thi hài để lấy đi toàn bộ nội tạng. Việc cắt nhượng chân phải dừng lại nửa chừng vì tất cả đều đuối sức, và những vị sư đến cầu kinh đã chờ quá lâu. Bây giờ, sau khi thay vải liệm mới, cha thằng nhỏ không cho phép tiếp tục công việc. Giấc mơ đêm hôm trước của nó đã làm ông hoảng sợ.

Vị sư cả đến khi bài kinh cuối cùng vừa dứt. Ngài đứng dưới tán một cây cọ non, chậm rãi nhìn quanh và hơi mỉm cười. Đám con cháu trang phục bằng vải thô, lạng lẽ và bần thủ như những nhánh bồ đề rừng. Họ đứng dày đặc trên bến sông, mặt mỗi chờ đợi.

Ngày thứ ba con cháu người quá cố đã trở về đông đủ. Những người ở xa nhất, trên thượng nguồn sông Mékong, thuộc nhánh mẫu hệ thứ hai, đến cùng những lễ vật tống biệt trên chiếc ghe lườn sơn phết vân vân. Những người khác đi theo đường bộ, cùng đi có những nhạc công đánh đàn ngũ âm và đàn bầu. Họ mang đến rất ít nước mắt. Cùng với hoa trái, dầu hoả, vải vóc là những bao ngũ cốc, thuốc phiện và trà minh quyết. Họ ngồi suốt đêm trên sân gạch, trước thềm nhà, giữa hai hàng cột vạm vỡ. Họ thay nhau chuyển hàng trăm xe nước qua đồng khô mênh mông. Họ chỉ có một thứ nước giếng dùng đục pha với rượu thốt nốt. Đêm thu trong trẻo, họ ngồi bên nhau, lòng thanh thản mỗi khi tiếng kinh cầu theo gió bay lên, lơ lửng trên những ngọn trúc non, trên đỉnh ngọn tháp mờ sương với những cành lá cọ. Họ uống một chút cho vui bớt nỗi sầu muộn, một chút cho lần hội ngộ hiếm có và một chút cho người quá cố. Người già uống những ly rượu nhỏ ngấm tối. Còn trai tráng thì uống mãi, uống mãi. Sáng hôm sau, những vị sư tụng quay về chùa với nỗi bẽ bàng, không ai tiễn cả. Họ phải bước qua những cái xác mềm nhũn đang thở phì phò.

Vị sư cả liếc qua hầm thiêu, rồi ngài nhìn ra sông. Xa xa, một cánh chim đang trôi chậm chậm giữa màn sương muối. Mắt vị sư cả loé lên những lần chớp kỳ dị, và ngài lại mỉm cười. Nhận ngọn đuốc từ tay người chủ lễ, thằng nhỏ lẳng lặng leo lên bậc đá trước hầm thiêu. Mùa thu này qua đi, nó đã tròn mười lăm tuổi. Sau khi gom hết những bó lúa cuối cùng trên sân đập, nó đã chia tay đứa con gái bằng một câu chuyện buồn. Từ ngày biết đứa con gái có thể làm được những điều kỳ diệu hơn một hình nộm giữ lúa, nó trở nên đa cảm và hay nổi giận đột ngột.

Từ ngày nó biết mình được chọn làm kẻ phải xuống tóc trước ngọn lửa hoả táng để đền ơn người quá cố, thằng nhỏ già đi rất nhanh. Lát nữa đây, nó sẽ ra sông lớn, nó sẽ dẫn đứa con gái đi thật xa, lên vùng thượng nguồn. Thằng nhỏ đã nghe những người bà con của nó trên chiếc ghe sơn phết vân vân kể về những con đường trơ trụi cát và đá qua các bình nguyên, quanh năm chỉ có gió thơm mùi cỏ minh quyết, mùi rượu tối, phụ nữ và mùi những ngôi chùa bị thiêu đốt dưới nắng. Đó là con đường xứng đáng với một người đàn ông, thằng nhỏ nghĩ vậy. Ở đây, trên chính quê hương mình, những đứa trẻ như nó không có tuổi hoa niên. Con đường đất ngập bùn là con đường duy nhất chúng sẽ đi cho đến hết cuộc đời. Con đường vĩnh viễn không có lối rẽ.

Ngọn đuốc đi một vòng ngắn giữa không trung trước khi rơi vào hầm thiêu. Cha thằng nhỏ mặt nhợt nhạt. Thằng nhỏ tin rằng cha nó biết vì sao ngọn đèn cầy đêm hôm trước lại tắt. Ông nội thằng nhỏ đã nhất quyết phải lấy lại món nợ mà ông không cần nữa, chỉ vì đó là món nợ. Thằng nhỏ không hiểu việc đó sẽ tốt cho người chết hay người sống, riêng nó thì

không cần. Và rồi nó tin rằng cha nó cũng sẽ biết vì sao nó lại trốn đi.

Lửa bắt đầu liếm quanh đáy hầm thiêu. Thằng nhỏ quỳ sụp xuống thềm đá. Nó nhìn đăm đăm vào ngọn lửa. Lớp củi dưới đáy hầm đang nổ lách tách. Những cây trâm bầu và so đũa khô bén lửa rất nhanh, nắm gỗ quăn rút lại. Người sống đã chu tất ý nguyện người quá cố. Toàn bộ căn chòi trên bãi sông được xếp gọn dưới đáy hầm thiêu, giàn kèo mỏng manh đang bắt lửa.

Bốn vị sư làm phép tưới nước đã xong phần việc của họ. Một vị ở lại với thằng nhỏ. Ông nâng đầu nó lên và bắt đầu gọt tóc.

Vị sư cả ngửa mặt nhìn lên đỉnh ngọn tháp. Ở đó một khoảng bình minh nhợt nhạt vừa đi qua, chớp nhẹn mạ vàng lung linh sắc nắng. Đáy mắt mở rộng, và lần thứ ba ngài mỉm cười. Lửa hực lên rất nhanh, hơi nóng toả ra kéo theo những cuộn khói đen. Lửa tràn trên miệng hầm thiêu, những cây đước non phun nhựa đỏ lấm tẩm trên vải liệm. Lúc đứng lên nhận cạo, thằng nhỏ nghe mùi thuốc phiện đang cháy. Nó căng mắt nhìn mong thấy ông nó một lần cuối. Giữa bãi lửa, thằng nhỏ bắt gặp những mảnh vụn vải liệm đã sạm màu, và tiếng mở đang sôi. Thằng nhỏ đưa tay che mắt. Nó cảm thấy tuyệt vọng ghê gớm. Nó hình dung cảnh ông nó đang chơi vơi trong bãi lửa vơi khoang bụng trống hoác. Thằng nhỏ thét lên một tiếng thảm thiết, và nó vùng chạy.

Những người khều lửa không chịu nổi sức nóng dạt ra. Vị sư cả vẫn đứng yên, cái đầu nhân từ của ngài đỏ rực, hằn lên nền trời màu xanh nhợt nhạt.

Thằng nhỏ chạy như điên xuống bên sông. Đứa con gái đã đi từ lúc nãy, sau khi đặt ngay ngắn mâm hiến vật dưới chân người chủ lễ. Nó đang chờ bên kia cánh đồng như đã ước hẹn. Không có ai đuổi theo thằng nhỏ. Nó cứ chạy mãi, chạy mãi. Đất trời nghiêng ngã, chân nó sục trong bùn, cạo sa xô tung. Bãi sông vắng lặng. Những bụi ô rô và dứa nước nhuộm đỏ sắc phèn.

Ngày trước, trong những buổi sáng mùa thu xanh mát, thằng nhỏ vẫn thường ra bên sông này với đứa con gái. Chúng ngồi ngoan ngoãn trên bờ chắn lát đá, nhìn những người kéo tôm len lỏi qua bãi lục bình. Trái tim trẻ thơ của chúng phập phồng những giấc mơ êm đềm. Chúng mơ đến những chiếc áo đỏ, áo choàng tím và dây nịt bạc như vẫn thường nhìn thấy trong những đêm diễn kịch múa. Chúng thấy sân khấu rất đẹp, ở đó một đứa trẻ ban ngày đi một lúa cũng có thể đi giày vải xanh vào lúc hoàng hôn và trở thành con của hoàng tử sắp kế vị ngai vàng.

Chưa ra đến mép nước, thằng nhỏ đã kiệt sức. Lọt xuống một ổ trâu nằm, nửa người nó bị bùn nuốt chửng. Đang ngọ nguậy tìm lối thoát, thằng nhỏ bỗng thấy người nó nhẹ hẫng. Một cái gì đó cứng như gọng thép đột ngột xiết ngang cổ nó. Chưa kịp định thần, đôi chân khằng khiu của nó đã trượt ngang qua ổ bùn, cả người nó bị hất bổng lên cao bằng một sức mạnh khủng khiếp. Thằng nhỏ thét lên khiếp đảm. Phần phật trước mắt nó là ngọn cờ trắng xoá hình cá sấu. Rơi trở lại, thằng nhỏ muốn ngất lịm đi vì đau. Qua lớp bùn, nó nhìn thấy một đôi chân khổng lồ đang găm chặt giữa lòng một chiếc xuồng lá, sau đó là cái bụng gân guốc, vòm ngực giữa manh áo bạc. Thằng nhỏ vuốt mặt. Lần này bùn ngập đến ngực. Một đôi mắt cháy rực giữa đám râu tóc bù xù đang đăm đăm nhìn nó. Người đàn ông đứng trên chiếc xuồng lá vương vãi xác mía. Trong tay ông ta lá cờ tang cuộn quanh một cây cọc tre dập nát. Máu trong người thằng nhỏ sôi lên, nó cố vùng vẫy, vạy vẹo giữa vũng bùn cho đến kiệt sức. Nó thét đến khản cổ mong có ai đó trên bến sông nghe thấy. Nó đã rất sợ hãi khi nghĩ đến giây phút phải gặp người đàn ông này. Từ

hôm qua, cùng với cơn ác mộng, cái nền nhà tan hoang trên bãi sông đeo đẳng trong đầu nó, thống khổ bức bách.

Để cho thằng nhỏ gào thét, người đàn ông vẫn bất động. Chờ đến lúc thằng nhỏ gục xuống người đàn ông mới ung dung cất tiếng cười. Giọng cười của ông ta vang rền, ngạo mạn và lạc lõng. Ông ta phóng vút ngọn cờ xuống trước mặt thằng nhỏ. Cây cọc tre lút sâu xuống bùn giống như một cơn điên giận đã được nén lại. Thằng nhỏ tưởng đầu lồng ngực nó vỡ tung, nước mắt nó trào ra tuôn rờn rờn xuống cổ. Người đàn ông quay phắt đi. Bằng một tay ông ta đẩy chiếc xuồng lá ra giữa sông, xuyên qua đám lục bình dày đặc, xuyên qua những lưới đăng tả tơi, người đàn ông bỏ đi.

Đúng lúc lá cờ tang cắm xuống trước mặt thằng nhỏ, trên bến sông những người dự lễ hoả táng cũng dạt ra hoảng loạn. Một vài người thét lên kinh hãi. Những tấm ván áo quan theo những lưới lửa bắn tung toé lên miệng hầm thiêu. Người quá cố thỉnh linh bật dậy. Vải liệm đã cháy sạch, những mảnh thịt đeo lửa rơi lả tả. Những người còn đứng lại trên thềm đá đều cuống cuống quỳ sụp xuống. Cha thằng nhỏ gạt nước mắt bước đến sát hầm thiêu, ông dùng một thanh sắt dài gạt bộ xương đã nám đen trở lại bãi lửa. Việc không cất nhượng chân đã khiến xảy ra thảm cảnh này.

Cách đó không xa, nơi dòng sông phân những nhánh nhỏ chảy vào cánh đồng, đưa con gái đang tắm. Nó ngậm mình đến ngực, chậm rãi giữ khăn. Thỉnh thoảng nó lại nhìn qua chùa, nơi làn khói đang mỏng dần trên những cành lá cọ. Nó kéo dài những động tác đập nước lên cái cổ gầy guộc của mình để chờ đợi. Áo dài của đứa con gái vắt trên bãi sông, trên một bụi ô rô gai nhọn.

Phụ đính:

Xanh như hồn phách

Cứ sau một đêm, Hận lại mập thêm một ít. Mỗi đêm mỗi mập ra cứ như giấc ngủ của cô chứa đầy đường, bánh mì và thịt nướng. Mập mà da không trắng thêm chút nào nên Hận như một con rệp có trứng. Du nói lúc cô còn ở nhà, đó là do Hận nuốt quá nhiều nước mắt. Quá nhiều, cũng có thể như vậy, bởi vì Hận và tôi đã có những ngày dài tươi đẹp, những đêm dài xanh ngắt trong góc phố chật cứng những chiếc xe bán sâm bồ lương. Những đêm dài có trăng, gió khô và nóng đến nỗi nước sâm bồ lương mằn mặn như là trộn thêm nước mắt. Và đó là những ngày tháng cũ, khi mà Hận chỉ mới đầu tập cười bằng những cái răng cửa.

Tối qua sau khi gọi đầu cho Du ở nhà gã thầy thuốc, trên đường quay về tôi đã nghĩ nhất định sẽ có mưa. Lúc nằm trên giường và lắng nghe tiếng thổn thức của những cành dương liễu khô chờ mưa, tôi thử đảo lộn thứ tự các công việc sẽ làm cho Du ngày mai. Chẳng mấy khi tôi được làm như vậy, làm những công việc ngớ ngẩn, mặc dù tôi rất thích. Sáng nay Du về và tôi sẽ đi đón cô. Gã thầy thuốc có cái đầu trơn tuột chắc đã chán chê Du nên tôi vừa mở miệng là gật liền, gật mạnh và nhanh đến nỗi chút xíu nữa cái đầu kỳ dị của gã văng khỏi vai. Vậy là Du được trả về cho tôi, nhưng trước khi đón cô tôi cần dọn dẹp căn gác một chút. Không thể tìm cuộc sống khác cho Du, nhưng tôi sẽ giữ cho cô được yên tĩnh. Du sẽ không còn lang thang dưới rặng dương liễu hay trên mái ngói lơ thơ những nhánh bồ đường vào những đêm khô nóng. Tôi sẽ không để cho ánh trăng tìm thấy cô. Từ khi mập ra Hận không còn có ý định đi nữa. Cô cười nhiều hơn và siêng năng

đánh bóng những đồ vật cũ trong nhà. Thức dậy từ rất sớm, Hạng quỳ mọp trên nền gạch, miệt mài kỳ cọ những cánh cửa gỗ. Đôi khi cô đột ngột dựng người lên, lim dim nhìn xuyên qua những song gỗ được đẽo gọt cầu kỳ, rất sạch và đen chất chừa như cô, rồi cười bằng những cái răng cửa: Tối qua có mưa không hả?

Giờ này chắc Bội còn trên gác, đang vuốt ve lần cuối những tờ bạc giấy và những ô phiếu hình vuông. Những đêm trắng sáng mười phần như đêm qua, Bội ngủ rất ít. Cô ngồi say sưa đếm đi đếm lại những mẫu giấy đủ màu đựng trong một cái hộp bằng đồng đỏ, suốt đêm cho tới khi đĩa trăng phía tây bạc xóa.

Căn gác lúc nào cũng tối, lảng vảng mùi thịt ướp và mùi dầu xả. Đó là mùi của chị em Du, không bao giờ tan được trong khoảng không bí kín bằng sáu cánh cửa gỗ thượng song hạ bản. Những cánh cửa này không được Hạng lau chùi vì không cần thiết. Dù có để lại bao nhiêu bạc giấy vào cái hộp đồng đỏ, khách cũng không bao giờ được lên gác. Nhưng nếu muốn, khách cũng có thể đứng ở sân trong, lắng nghe dư âm của chiếu bạc tứ sắc đã tàn cuộc, hoặc tìm kiếm mùi vị mơ hồ của một buổi trà mình quyết uống vào lúc nửa đêm dưới cây trứng cá và ngẩng đầu lên mà ngắm những tấm chạm dưới xà thượng cùng một mảng tường đất phồng rộp. Tôi thì khác. Khi cần xua đuổi tiếng gào thét của những con mèo hoang khát nước, tôi trải chiếu trước sáu tấm cửa đã cột chặt, với một cành dương liễu khô đang cháy trong tay. Chờ đợi lúc Du thức giấc đi hái cỏ bò đường và chờ trời sáng, tôi nằm đếm những giọt trăng khô khốc lặn qua thềm gian phía đông.

Bắt đầu từ mái ngói xuống đầu kèo, những giọt trăng xanh biếc lặng lẽ tan vỡ trên mảng tường bong rộp. Chưa bao giờ tôi bước qua bậc thềm gian phía đông và sáng nay là lần đầu tiên. Rất nhiều năm rồi bên trong những song cửa lắp kính mờ chỉ sáng lên mỗi khi Du chống gậy đem bữa ăn vào. Cô vào, khép cửa lại và chỉ còn tiếng sàn gác vện mình trộn trong tiếng nhạc máy hát vọng ra. Tiếng máy hát sẽ được mở to hơn vào những ngày trời giông, với một ít mưa. Mỗi khi Du ngủ thiếp đi, tôi xếp sẵn bữa ăn trước thềm cửa, chừng nào tỉnh lại cô sẽ mò mẫm đem vào. Ông nội của chị em Du ở trong đó, hình như cả ba người đều nói vậy. Một ngày nào đó tự dưng ông ta thấy sợ những thứ bên ngoài, và không ra nữa. Cũng có thể ông ta say đắm gian phòng của mình đến nỗi không muốn rời ra, kể cả lúc đã rời bỏ cuộc sống. Từ khi cha mẹ của ba người theo chân ông nội, không ai ngăn Du đem thức ăn mỗi ngày cho một gian phòng trống. Mới đầu thì có nhưng sau lại thôi, vì như vậy sẽ làm cô mất đi niềm vui. Bây giờ thì Du không còn thức dậy để làm việc đó nữa.

Ngày xưa tôi cũng từng sống với một căn gác như vậy. Ở đó cũng có một gian phòng kín mít nhưng rộng hơn và sáng hơn. Ông nội tôi ở trong đó. Mỗi chiều tối tôi đứng trước ô cửa lắp kính mờ đợi nhận phần của mình, hai đầu bánh mì và một cục đường phèn. Lúc đó tôi còn nhỏ và để lên tới nơi tôi phải trèo từng bậc một, đuổi theo một vầng trăng xanh thăm thẳm treo ngoài cửa sổ cầu thang. Có những chiều tối tôi phải trèo rất lâu, khi mà ngoài cửa sổ vầng trăng chỉ là một ảo ảnh. Trong lúc chờ tôi ráng căng mũi tìm mùi bánh mì đang được xé nhỏ một cách chậm rãi lẫn trong mùi khen khét tận tụy của cái máy hát cứ chạy đi chạy lại một đoạn nhạc hiệu. Cũng có lúc chẳng biết tại sao tôi được nhận phần rất sớm. Đứng trước hiên gác, tôi ăn cục đường trước cho bớt sôi bụng, và khoái chí lắng nghe tiếng ông nội rên rỉ bên trong: Cái thằng răng tốt ghê, đường mà nó nhai rau rầu. Cũng từ nhỏ tôi đã biết cười bằng răng. Luôn luôn phải nhắc nhở người đem thức ăn cho ông nội tôi nhớ rằng tôi có bộ răng rất tốt. Sau này lần đầu tiên tập cho Hạng cười kiểu đó, tôi gần phát điên khi thấy mắt cô trợn ngược, rồi ói ra giữa phố một đồng sâm bổ lượng. Cũng sau này tôi mới biết ông nội tôi đã ở trong gian phòng đó nhiều năm liền, cho tới khi rời bỏ cuộc sống. Một ngày nào đó tôi sẽ kể cho Du nghe câu chuyện của mình.

Thêm có mấy tháng mà căn gác đã tiêu tụy đi bao nhiêu so với lần đầu tiên tôi tới cùng với những người thợ phục chế. Cần phải trát lại bức tường, thay cấu kiện rui kèo bị mối mọt. Còn dư một ít gỗ và tôi thay thêm vài cây xà mới mà không tính công. Nhưng còn căn gác, ban đầu tôi đã nản chí. Ván sàn nứt nhiều chỗ, cả căn gác có thể sập thình lình nếu như thời tiết không chịu thay đổi. Hạn cũng cản tôi, vì các chi tiết ở nhà dưới đã chiếm quá nhiều thời gian trong khi mùa đón khách đã bắt đầu. Tôi chọn cách dễ nhất là lắp thêm một giàn chịu lực phụ dưới căn gác, âm trong các bức tường, bằng những cây dương liễu. Dương liễu chết khô khi chưa kịp lớn vẫn có thể chịu được sức nặng của căn gác ít nhất là cho tới khi có mưa. Nước mưa sẽ làm thịt dương liễu mềm đi, ruột rời ra và đó là lúc giàn chịu lực trở thành gánh nặng cho nhà dưới. Không sao hết, Hạn gạt đi, mình sẽ đi chỗ khác trước khi có mưa.

Tôi cũng nghĩ vậy. Thật là khủng khiếp khi mà ngày nào cũng có những con người lạ hoặc tự nhiên đi vào nhà mình, xộc cả vào bữa cơm, giấc ngủ của mình. Những con người ngớ ngẩn tới mức tin rằng với một ít tiền có thể thấy được linh hồn của một ngôi nhà phẳng phai dưới mái vòm vỏ cua bị cố ý làm cho cũ đi, hay trên những bức hoành phi phẳng phiu do bàn tay ngu dốt của tên thợ phục chế. Hạn nói rằng cô không thể sống yên ổn trong một ngôi nhà như vậy, cho dù đó là vật báu giữa thiên hạ. Tôi sẵn sàng đi với Hạn cho dù tôi biết chuyện đó không bao giờ xảy ra. Khi yêu nhau người ta có thể nắm tay nhau đi qua một ngọn núi sắp sập một cách dễ dàng, nói gì một ngôi nhà. Ở bên kia núi tôi sẽ tìm được một chỗ mới cho hai đứa, vì tôi vẫn kiếm được miếng ăn cho dù không còn cái răng nào. Tôi chịu được một công việc ngớ ngẩn nào đó, để những cái khuôn bánh in chẳng hạn, miễn là hai đứa có thể cười bình thường như những người khác. Có thể lúc đầu sẽ khó, cũng có thể sống với Hạn tôi phải ốm đi, mặt không tròn và da không mùi dầu xả. Đâu có sao, thật ra thì mặt Hạn đâu có giống một vàng trắng, chẳng qua là Bội chọc tức tôi đó thôi.

Tôi chịu ở lại đây với chị em Du, lúc đầu là vì Bội. Ngày đầu tiên tôi tới đây cùng những người thợ phục chế, Bội làm tôi điếng người vì hơi thở khen khét và cách đi đứng đờ đẫn của cô. Tôi nhìn thấy ở Bội hình bóng của một thằng nhỏ suốt ngày ủ rũ và thèm muốn đủ thứ, nhìn thấy cả những đoạn nhạc hiệu trong cái giọng mũi lười biếng của cô, cứ lặp đi lặp lại mỗi khi Bội giới thiệu những thứ trong nhà khách. Những lúc như vậy tôi luôn tìm cách đứng cạnh và ráng hít mùi khét từ miệng cô. Bội chưa bao giờ thuộc về tôi. Ngày xưa mỗi khi ăn xong đường và bánh mì, tôi vừa ị ạch leo xuống vừa cay cú tự trách mình: Tại sao không ăn chậm lại, tại sao phải nuốt thật nhanh những thứ đã thuộc về mình? Rồi ngày hôm sau lại quên mất, lại trèo lên, chờ và nuốt nhanh phần còn lại, lại đau đớn tiếc rẻ, rồi lại quên. Nhiều năm sau đó, trong những lúc đói khát kiệt quệ nhất, tôi đã biết được rằng mình chưa bao giờ có đường và bánh mì trong đời. Bội chưa bao giờ và không bao giờ thuộc về tôi. Tôi biết như vậy khi đứng chờ cô đếm những mẩu giấy dưới ngọn đèn treo trước côn sơn, trong khi mắt đờ đẫn nhìn ra rặng dương liễu. Cả Du và Hạn cũng vậy, chưa bao giờ và mãi mãi tôi không có được họ. Cho nên tôi yêu cả ba người.

Một lần tìm Bội, tôi bắt gặp gã người Âu đang ở cạnh cô. Tay gã vừa bỏ những ô phiếu và tiền vào cái hộp đồng đỏ trong khi mắt nhìn như muốn úp chụp lấy Bội. Những lần sau gã đến với một xấp giấy trắng trên tay. Trong khi chờ Bội, gã tựa vào tường, ngửa cổ và thong thả vẽ lại hình dáng bộ rường chông giả thủ lên xấp giấy. Xong việc gã lôi Bội đi, dẫn cô đi dọc con phố rồi chui vào rặng dương liễu. Họ ở đó rất lâu đủ cho một cơn giông đùa cợt chán chê với những cành dương liễu khô. Rồi khi tan cơn giông tôi là người ra đón Bội về. Lần cuối cùng tôi đón Bội trời chỉ mới chuyển. Trước khi ra khỏi nhà tôi bắt gặp Hạn đang đứng nuốt nước mắt. Cô đứng trên thềm gian giữa, ngửa mặt nhìn khoảng

trời nhỏ xíu đang chạy vùn vụt qua mái ngói, và nuốt nước mắt: Sắp mưa rồi, mình có đi kịp không? Hận hỏi tôi như vậy đã nhiều lần rồi, cứ mỗi lần định dẫn nhau đi là cô lại nhìn trời và hỏi. Lúc đầu tôi định trấn an cô, nhưng đúng lúc Du ra khỏi giường và đang trèo lên mái ngói. Những lần sau tôi đã hiểu ra. Sẽ mãi mãi không bao giờ có mưa và câu hỏi của Hận không phải dành cho tôi. Cả những giọt nước mắt rưng rưng đó cũng không phải vì tôi. Hình như là Bội đã chờ dưới rặng dương liễu rất lâu rồi. Điều bộ đồ dẫn của cô đã sôi lên và tóc của cô như những cành khô điên dại rưng rưng sức đốn lấy từng luồng giông khô khốc. Những cành dương liễu khô sao mà giống chị em Du quá chừng, suốt đời chờ đợi. Tôi biết gã người Âu sẽ không cần Bội nữa vì cái khu làng trọ ngoài bãi cát của gã đã làm xong, sau khi đã ăn cắp gần hết hình dáng kiến trúc ngôi nhà của Bội. Gã là một người làm ăn và khu làng trọ của gã, bao gồm những phiên bản ngôi nhà của Bội, sẽ đón những người Âu khác vào ngày mai, bất chấp có mưa hay không. Nghĩ tới mấy cái xác nhà không hồn không phách của gã người Âu, tôi rống lên cười. Bội quát mắt lên: Khi không lại cười. Tôi vuốt mặt Bội và nói nhỏ vào tai cô. Bội thở hắt một cái náo nức: Thôi đừng xạo nữa, mặt chị Hận mới tròn. Rồi cô đưa tay cho tôi dẫn về.

Chỉ bằng một chân tôi đã mở được cửa gian phòng cột chặt. Bột gỗ rơi lả tả trên bậc cửa trong khi mùi dầu xả và thịt ướp bốc lên ngùn ngụt. Một cái giường lớn với rèm bọc bốn phía nhưng không có mùng. Nệm mỏng không có vải bọc và một cái gối vuông đan bằng những sợi mây đã lên nước. Cạnh giường là một cái tủ lớn có cửa bọc kính, bên trong chỉ có mấy cái bình đất và một cái máy hát. Tôi mở tủ và thả kim vào đĩa hát. Chỉ có tiếng lẹt xẹt, đôi lúc bị ngắt nửa chừng. Có một cái bàn tròn để ở giữa phòng với mấy cái ghế. Cái bàn được chạm trổ kỹ lưỡng bằng hoa trà đẹp mới mức tay nghề của tôi không thể nào mơ thấy. Còn một cái ghế khác đặt cạnh cửa sổ phía đông, trên có một cái thau nhỏ vẫn còn một ít nước. Trong phòng các bức vách đều dán giấy hoa. Một bức ảnh rất lớn treo cô độc. Trong ảnh là một người đàn ông tóc ngắn mặc áo cao cổ với hai hốc mắt to, đăm chiêu như vừa mới bước ra từ gian chứa tiền xấu ngăn tiền sạch với phòng khách. Chắc chắn đây là ông nội của chị em Du, một người đã từng trở về đây từ đáy đại dương chỉ với lòng kiên nhẫn vô tận của một thương nhân, là lòng đam mê vô tận với những niềm vui của mình. Sinh thời người đàn ông này có một chiếc thuyền nhỏ vừa đủ sức đương đầu với biển Đông. Ông ta chờ què ở đây ngược lên đảo Hải Nam để bán ở Hạ Môn, sau đó mua thuốc bắc đem về.

Để tránh mùa giông và để tích lũy nhiều hơn, đôi khi ông ta cho thuyền đến tận Osaka, chờ theo cả một hạm đội những vật dụng bằng đất nung lấy từ vùng Trung Cận Đông. Có những chuyến đi bình yên và có những chuyến đi quyết đấu với bão tố, hải tặc. Những chuyến đi bình yên đã giúp ông hoàn thành ngôi nhà này trong vòng bốn mươi năm. Và cho ông ta bốn mươi năm khác tích lũy những xâu tiền bằng đồng đỏ. Nhưng rồi một chuyến đi khác đã làm cho ông ta suýt nữa phải nộp mạng. Một cơn giông và mưa kéo dài hai ngày đã đánh úp con thuyền chở đầy gốm sứ giữa biển Đông trong khi nó đang trên đường tới Nhật Bản, chỉ cách ngôi nhà của ông ta một trăm hải lý. Tuy không thể bị nhấn chìm nhưng người đàn ông này theo cơn giông trôi rất xa xuống miền Nam và phải mất hơn nửa năm mới tìm thấy đường về nhà với một nửa hồn người đã quật quèo. Từ đó ông ta không hề bước ra khỏi nhà một lần nào nữa mặc dù vẫn âm thầm thu lượm những món hàng đất nung Islam và vẫn cần mẫn ngồi đếm những xâu tiền của mình dưới ánh trăng xanh biếc vào những đêm không có giông. Tôi biết tất cả những chuyện này là do người thợ cả kể lại trong ngày đầu tiên tới đây cùng những người thợ phục chế.

Không mất nhiều thời gian tôi đã thu dọn sạch sẽ căn gác. Tháo hết những thanh chốt cửa sổ để thay ánh sáng, quét sàn gác hai lần sau khi đã thay rèm giường, vậy là đầu vào đó. Tôi không biết Du vui tới chừng nào khi nhiều năm liền đem bữa ăn vào đây. Nhưng

sao mà thân phận của tôi với cô giống nhau quá vậy. Ngày xưa tôi đau khổ biết mấy, thương nhớ biết mấy và không sao tin được sẽ không còn những buổi tối hạnh phúc trên căn gác dịu dàng khúc nhạc hiệu quen thuộc. Không tin, nhưng sau đó không bao giờ tôi trèo lên các bậc thang nữa, cho dù trắng vẫn rất xanh và bình thản chờ đợi tôi ngoài cửa sổ. Tôi có một trái tim biết co giãn, dễ dàng để mất niềm vui của mình còn Du thì không. Mỗi bữa ăn Du đem vào gian phòng này có lòng kiên nhẫn vô tận trước sinh mệnh của chính mình mà ông nội cô đã để lại, trong đó cũng có cả niềm vui vô tận được giữ những dư âm quen thuộc ngày xưa. Tất cả những việc đó tạo thành cuộc đời Du và cô không chịu từ bỏ dù bất cứ chuyện gì đã xảy ra. Cũng như Du phải ngủ nhiều vì trong giấc ngủ cô sẽ tự do lang thang dưới rặng dương liễu hay trên mái ngói với cỏ bò đường, những cuộc dạo chơi mà sau khi không ngủ, không có một cô gái mù nào có thể làm được một mình. Những cuộc dạo chơi bình yên đã cho Du niềm vui bất tận trong suốt bốn mươi năm chưa một lần thấy được vàng trắng xanh biếc đã quyến rũ cô, đưa cô đi đón cơn mưa đang còn ở vạt dậm xa vào những đêm khô nóng. Nhưng rồi một cuộc dạo chơi khác đã chấm dứt các cuộc dạo chơi tiếp theo. Tiếng gào thét vì khát nước của một con mèo đã làm cho Du rơi xuống theo những giọt trắng, cùng với một nhánh cỏ đường xanh ngắt. Và Du không bao giờ thức dậy nữa.

Sáng nay tôi sẽ đón Du về. Gã thầy thuốc trơn tuột không chịu nói có khi nào đó thành linh Du sẽ thức giấc hay không, mặc dù tôi đã dọa sẽ không trả đủ tiền cho gã. Đành vậy, rốt cuộc thì tôi vẫn muốn ở lại đây với chị em Du. Trong khi con rệp có trứng đang lau chùi những cánh cửa, còn cành dương liễu khô dang tay đón khách vào nhà, tôi sẽ gọi đầu cho Du trong khi cô đang ngủ. Rồi mỗi ngày tôi sẽ kể cho Du nghe một câu chuyện, sau khi đã trấn an cô rằng bữa ăn đã được đem vào gian phía đông. Tôi sẽ kể cho Du nghe một câu chuyện về những đêm khô nóng, một câu chuyện ngọt như đường phèn. Và tôi sẽ kể rằng trong giấc ngủ của cô, vàng trắng sáng mười phân còn xanh biếc hơn tất cả những vàng trắng đã sáng trên thế gian này, vào những đêm không mưa.

Nước thánh

Kiếp này chắc làm máng xối suốt đời. Trong lúc tháo một đoạn của cái máng xối ra khỏi cái móc, cô thường tự nhủ như vậy, có khi còn lẩm bẩm trong miệng về ý nghĩa của điều đó mỗi khi bắt đầu đứng vào chỗ cạnh hầm chứa nước.

Thường thì những trận mưa đã già lắm rồi mỗi khi cô tháo một đoạn máng xối ra, và lấp thân thể của mình vào đó. Lần nào cũng vậy, nước lạnh ngắt khiến cô giật mình, sau đó là cảm giác râm ran một nửa người từ vai xuống. Nhanh lên, nhanh nữa đi. Cảm giác râm ran qua đi rất nhanh và như thường lệ, cô liên tục lẩm bẩm hối thúc dòng nước đang chảy trong máng xối. Cơn râm ran được nối lại từng đợt, cho tới khi nào trận mưa tàn đi, nước trong máng xối chỉ còn một vệt nhỏ ngắt quãng. Đôi khi cơn râm ran kéo dài làm cô bủn rủn chân tay, phải ngồi thụp lên nắp hầm, tim lặng ngắt vì rơi vào một trạng thái không trọng lượng quá lâu. Điều đó thường xảy ra trong những trận mưa đầu mùa, sau những ngày hè lê thê. Và đôi khi cô còn bị ngắt cơn đột ngột bởi tiếng kêu thất thanh của ông già, vào những lúc cái lưới của ông bắt đầu đòi thuốc.

Những lúc như vậy, với thân thể ướt đẫm, cô vừa lẩm bẩm vừa lấp lại đoạn máng xối. Sau đó cô thay quần áo khô cho dù trận mưa vẫn chưa tàn, cố ý chậm chạp trong tiếng kêu ai oán của ông già. Cơn râm ran lại tiếp nối ở những trận mưa sau, càng trở nên khổ sở nếu chỉ là một trận mưa nhỏ lướt qua mái ngói nóng rực. Và cảm giác của cô gần như lúc nào cũng tỉnh khô bởi sự chờ đợi. Hầm chứa không bao giờ đầy nước kể cả khi mùa

mưa dài đã lịm đi bên kia mái ngói, bởi vì cô chưa bao giờ chán, kể cả những lúc làm việc đó nhiều lần trong ngày. Nhưng kiếp này cô không thể làm máng xối suốt đời. Trò chơi kết thúc vào một ngày mà tiếng kêu cất lên cũng thất thanh, nhưng không phải của ông già mà là của cô, khi mà cơn râm ran còn chưa kịp tới.

Không hề ngọt, còn hơi cứng nữa, cô nghĩ, nhưng nước mưa thật là sạch. Cô rất ghét cái gì không sạch, nhất là nước. Vì cô phải sống trong một căn nhà thấp, dài nhằng, lúc nào cũng nặng hơi người, mùi thuốc tấy và mùi của nội tạng gia súc sau một đêm ngâm trong nước. Nước mưa trôi qua mái ngói đen đúa mốc meo nhưng vẫn sạch, vẫn giữ được màu xanh xám nhợt nhạt của bầu trời.

Dòng nước có mùi khen khét và lạnh mê hồn theo một đường máng xối dài bảy mét mười lăm, chạm vào vai cô sau khi vấp phải cái móc dẹp dùng để nối với đoạn bị tháo rời. Từ vai, dòng nước ngoan ngoãn chảy theo một triền dốc, thông thường khoảng mười chín độ theo góc đứng nếu như cô không có cái ghế nào gần đó để giữ thăng bằng, rồi len lỏi qua một thung lũng có một cái nút áo, một cái hoa nhỏ bằng đá, quần queo cô độc giữa hai sườn đồi đã bắt đầu nghiêng lệch xuống bụng từ hai mùa mưa trước. Rồi dòng nước thoát ra, lập bập tràn xuống một vết nứt cắt đôi hai mảng bình nguyên phẳng và dày mỡ.

Ở đó, dây thun quần siết quanh cái hông đầy chắc tạo ra một số vết thâm mờ. Nước mưa trong tới mức những dấu vết riêng tư đó không bị nhoè sau lớp vải, có thể thấy rõ chúng vào những ngày cô mặc những bộ đồ mỏng, và đã cũ. Nhưng dù là mặc đồ gì, và cơn râm ran kéo dài tới mức nào, cô vẫn đủ tỉnh táo để sắp xếp cho dòng nước gom xuống một góc nhọn của vạt áo, thường là vạt bên phải, nơi cô còn một đoạn ruột thừa chưa mổ. Ở đó, cao bốn tấc tính từ nắp hầm, theo triền dốc vẫn mười chín độ hoặc nhiều hơn một chút tùy theo khả năng giữ thăng bằng của cô, dòng nước rơi tự do vào miệng hầm.

Cái hầm nhiều năm trước không có nắp. Ban đầu ông già, cha cô, dự định đào một cái hầm lộ thiên thay thế cho một cái chậu lớn làm chỗ súc rửa lòng ruột, bao tử và những bộ phận khác của trâu bò. Những thứ đó, thường là vại tạ mỗi ngày, được đem từ lò mổ về vào lúc chiều tối, được đổ vào hầm cùng với muối và thuốc tấy. Ông già và người con trai, anh cô, làm việc trong cái hầm đó tới nửa đêm, sau đó họ xả nước vào.

Gần sáng, những người khác trong nhà sẽ vớt từng chùm ruột trắng xanh dài lòng thòng, chia nhỏ chúng vào những cái xô trước khi đem ra chợ trên chiếc xe đẩy bằng gỗ hoa trà. Ngôi chợ đứng lơ lửng giữa lưng chừng một con dốc nghiêng mười chín độ theo góc nằm, cùng một số quán ăn nhỏ trên đỉnh dốc, bèn bĩ ngón hết số lòng ruột ông già cung cấp mỗi ngày. Đó là một công việc kiếm ăn dễ chịu. Trong vòng hai mươi lăm năm, ông già đã tích lũy đủ để dựng thêm một căn gác phía sau, một tủ bán lẻ dồi và huyết trâu trong chợ, và cho bảy trong số chín người con của ông ra nước ngoài. Lần lượt từng người một.

Bảy người đã ra đi, gồm đàn ông và đàn bà, đều là những người muốn nối nghiệp cha. Họ đã chịu đựng rất nhiều gian khổ để có thể rời khỏi ngôi nhà dài nhằng mà không gây phiền não cho những người ở lại. Họ chia nhau tới những nơi chỉ biết ăn thịt gia súc, còn nội tạng thì bỏ đi. Và mặc dù khởi sự việc kiếm sống một cách gian khổ ở xứ người, họ cũng mở được cửa hàng, lần lượt từng người một. Họ cố gắng, theo yêu cầu của cha họ, đem tới cho thế giới bên ngoài một cách thưởng thức khác, triệt để hơn, đối với thân thể của loài động vật có vú, thừa sức khỏe nhưng thiếu trí khôn. Một cách lựa chọn mà theo ông già, tóm tắt trong một câu là ăn cái ngon nhất, quý nhất và rẻ nhất của một đũa ngu. Ông già hay lắm bả câu đó mỗi khi mệt mỏi leo ra khỏi căn hầm vào lúc nửa đêm, chiều

hôm sau lại lằm bằm trong lúc leo vào.

Hai người con ở lại với ông già là những người không thích nghề cha. Đúng hơn là họ không nhanh nhẹn, không được khôn ngoan lắm, cho nên cũng không mặn mà gì với chuyện ngày ngày súc rửa những thứ quý giá của những con vật được coi là đũa ngu, nhất là đối với người con trai. Đó là một người đàn ông bị chứng trầm uất bẩm sinh. Thời gian đầu khi mới leo xuống hầm để giúp cha, anh không dám uống nhiều rượu vì sợ sẽ bị nôn mửa. Tuy nhiên một thời gian sau anh lại phát hiện ra rằng trong trạng thái ngây ngất, cảm giác ghê tởm trở nên mờ ảo hơn, và như vậy sẽ dễ chịu hơn. Nhưng cũng không cải thiện được bao nhiêu. Mỗi chiều phải leo xuống cái hầm, để cho hai ống chân đã được chà rửa sạch sẽ của mình ngập trong cái đồng lầy nhầy vừa nhũn vừa ẩm đó đối với anh thật là một khoảng thời gian khổ ải tới mức những cơn u uất có lẽ còn dễ chịu hơn.

Từ khi có được một người đàn bà cho mình, anh lại tiếp tục rơi vào hàng loạt trạng thái ngây ngất khác nữa. Bốn mươi mốt tuổi, anh vẫn chưa biết bộ phận nào trên thân thể người đàn bà là hấp dẫn nhất. Người đàn bà của anh hình như không có cái gì nhiều, ngoài một cái cổ rất chắc chắn và cái bụng dày mỡ. Cô ta chỉ đem lại cho anh những yêu cầu khó khăn và sau đó là sự sợ hãi thường xuyên.

Cô ta không thực lòng yêu quý anh nhưng lại cần sự bao bọc, cần thức ăn cho cả hai đứa trẻ không có cha nữa. Còn anh thì mê mẩn tới mức chỉ cần nghĩ tới một bộ phận nào đó trên thân thể không có gì hấp dẫn của người đàn bà, anh cũng đủ ngây ngất kể cả khi đang giẫm đạp đồng ruột lòng phèo phổi dưới căn hầm. Bởi vì chưa bao giờ anh ném trái cảm giác ngây ngất thực sự của kẻ chiến thắng khi ở bên cạnh người đàn bà của mình.

Luôn luôn như vậy. Cứ mỗi lần úp mặt vào bụng người đàn bà để hai tay được rảnh rang, anh lại nghe thấy tiếng nước chảy róc róc ở đâu đó bên dưới lớp mỡ dày phẳng phất mùi củ cải muối. Chứng u uất của anh bắt đầu thức dậy. Anh biết đó là tiếng động gây ra bởi sự di chuyển của tô canh mà người đàn bà đã uống luôn cả phần của anh trong bữa ăn trước đó. Lần khác có thể là một chai nước uống gấp để thêm mát mẻ khi hành sự.

Anh rất thích những thói quen đó. Cách người đàn bà ngồi ăn cá hoặc đi lại với hai ống quần dài xắn lên, kẹp trong ống quần lót. Hay cách cô ta lấy những đốt xương ra khỏi một cái chân gà luộc chín bằng con dao chặt thịt, tất cả đều khiến anh ngây ngất. Và thường là khi đã úp mặt được một lúc lên lớp mỡ dày, não căng ra để theo dõi miếng cá len lỏi trong những sợi ruột non trắng xanh ẩm ướt, anh không còn chế ngự được nữa.

Ban đầu ông già không nhận ra điều đó khi cùng làm việc với anh. Muối và thuốc tẩy khiến căn hầm mù mịt hơi nước và họ phải giữ im lặng để không bỏ sót những chỗ chưa chạm chân tới. Mỗi người đứng một góc, đối diện nhau, hai tay tì vào vách hầm để giữ thăng bằng, còn hai chân như hai cái cây thông ống khói, chà sát liên tục đồng lòng ruột tươi rói. Những ngày hè dài lê thê khiến họ nhanh chóng rã rời và để kéo dài thời gian nghỉ ngơi, anh thường tìm cách gây gổ với ông già. Không đem lại kết quả gì. Thuốc tẩy có ngày không được tốt, ông già cãi, nhưng ruột càng trắng càng tốt, và giòn. Ngâm nước cả đêm cũng tốt, lòng sẽ có mùi giống với khi nó vẫn còn ở trong khoang bụng con trâu đang sống, người ta thích vậy.

Dù sao ông già cũng nhiều phần đúng. Đồng ruột mỗi lúc mỗi trắng dưới chân sau một hồi giẫm đạp khiến anh ngày càng xa dần những cơn u uất, vì nó đem lại cho anh ngày càng nhiều những cơn ngây ngất bởi sự liên tưởng. Đó là một chiến thắng trọn vẹn, duy nhất, không phải nghe bất cứ lời mỉa mai cay độc nào từ cái bụng dày mỡ trong lúc chỉ một

mình anh với đồng lòng ruột tươi rói. Và khi phát hiện quần mình ướt đẫm, ban đầu anh thấy mắc cỡ.

Vài lần sau anh che giấu chuyện đó bằng cách cố tình để mắt thẳng bằng, quỳ sụp xuống cho nửa phần dưới ngập trong đồng lầy nhầy đang bốc hơi ngùn ngụt. Tuy nhiên cố gắng của anh không kéo dài được lâu. Bởi vì, đôi lúc trong cơn ngây ngất, vừa che giấu nỗi hổ thẹn giữa những chùm ruột bị muối làm cho chảy nhão ra, anh vừa rụt rè lắm bảm xin lỗi.

Buổi sáng sau khi chia xong số lòng ruột, những người khác trong nhà giấu chiếc xe đẩy bằng gỗ hoa trà trong một góc chợ, rồi lẳng lặng theo ông già đi ngược lên đỉnh dốc. Họ đi qua những quán ăn nhỏ, rồi lại đi qua một khu vườn vàng rực hoa cải, một cổng gỗ đã cũ và một cái sân bằng đá thô lạng ngắt. Khi đẩy cánh cửa nhà người đàn bà qua một bên, họ nhìn thấy người con trai đang nằm ngửa dưới đất, đầu quay ra ngoài và đang trừng trừng nhìn họ. Anh đang chơi với hai đứa trẻ.

Trong nhà, khói do củi thông đang cháy uốn lượn vui vẻ với những tia nắng. Một đứa đang đứng và cố gắng giữ thăng bằng trên hai cánh tay của anh, như hai cái càng cua đang run bần bật trong không khí. Đứa kia đánh đu trên hai ống chân cũng đang đưa lên rất cao của anh, cả người nó xoè ra như sắp sửa bay lên trần nhà trong một trạng thái ngắt ngây tự mãn. Người đàn bà đang thay áo ở gần đó.

Chỗ sạch sẽ nhất trong căn nhà thì lại quá nhỏ cho nhiều người ngồi cùng một lúc, cho nên phụ nữ dẫn nhau vào bếp. Họ đứng chen lấn nhau trên những ô gạch bị cháy xém phủ một lớp bụi tro, dáo dác tìm kiếm. Một người lôi cái giỏ mây trong góc bếp ra, lục lọi những thứ bên dưới, sau đó giận dỗi đẩy nó ra xa. Không thấy chủ nhà phản ứng, những người khác bắt đầu một cuộc tìm kiếm đồng loạt, họ giở cả nắp cái nồi đang sôi trên bếp để quan sát bên trong.

Ông già ngồi đối diện với người đàn bà đang rất ung dung với người tình bên cạnh. Sau lưng ông, vài người đàn ông khác đứng ngồi với một vẻ khó chịu miễn cưỡng, thỉnh thoảng có người đập hai chân vào nhau giống như để đuổi kiến. Một người chồm tới cái bàn, cầm lấy một ly nước. Tuy nhiên sau một lúc ngắm nghía nó, anh ta lén lút hất ly nước xuống đất.

Cho tới khi ông già chịu cất tiếng, những đứa trẻ đã bắt đầu quen với không khí ngọt ngào trong nhà. Một đứa ngồi trong lòng mẹ nó, rúc đầu dưới cái cổ chắc chắn, nhìn mọi người và cười làm quen. Ông già nói chậm rãi, càng lúc càng chậm, và càng nói ông gần như quên mất là ông dự định sẽ nói rất dài, chỉ muốn nói thôi, không cần nghe.

Ông giải thích loằng ngoằng rằng ông bảy mươi bốn tuổi, vợ ông năm mươi tám tuổi. Em trai ông, tức là chú của người con trai, đang có mặt ở đây, sáu mươi chín tuổi và em dâu ông sáu mươi lăm tuổi. Em trai của vợ ông, cũng đang có mặt ở đây, năm mươi lăm tuổi và vợ năm mươi hai tuổi. Mấy người cháu gọi ông bằng bác và bảy người con đang ở nước ngoài của ông cũng vậy, tất cả đều lấy vợ trẻ hơn và lấy chồng già hơn họ.

Trong lúc ông nói chuyện với chủ nhà, lửa trong bếp đã bị những người đàn bà dùng nước dập tắt. Những cuộn khói cuối cùng vẫn hồn nhiên uốn lượn vui vẻ với những tia nắng rọi qua cửa thông hơi, nghiêng mười chín độ theo góc đứng. Điều đó có nghĩa là, ông già ngắc ngư một lát, ở cái tuổi của mình, chủ nhà rất có thể làm em dâu của vợ ông, hoặc làm vợ bé của ông cũng được, thay vì sống với con trai của ông. Và hai đứa trẻ càng làm cho chuyện này xấu thêm. Nói tới đây ông già trở nên ngắc ngư nhiều hơn. Ờ,

có nhiều con cũng không sao, nhưng không nên nuôi con người khác, nhất là khi tự mình chưa nuôi thân được.

Rồi ông già đứng lên một cách nặng nhọc, liếc xéo gói thức ăn mà vợ ông lấy trong bếp ra, xỏ tung giữa nhà. Bốn mươi mấy tuổi đầu, chưa khi nào nó đem củ cải ngon như vậy về nhà, vợ ông đay nghiến. Cái nhìn của ông già dành cho chủ nhà bao trùm một sự trách móc lớn lao. Bầy đứa con tôi ở nước ngoài đang dạy cho thiên hạ biết ăn miếng ngon trong bụng một đứa ngu. Cô cũng nên biết kiếm được miếng ăn không dễ dàng gì đâu.

Mấy tháng sau sự kiện đó, một buổi sáng thức dậy ông già không nhận ra mình nữa. Hai chân sưng to và mềm nhũn như vôi của con voi. Lưỡi cũng vậy, lại thêm những chấm lở loét gây đau nhức kinh khủng vào những ngày tiếp theo. Thầy thuốc nói rằng ông bị bệnh nghề nghiệp, có nghĩa là ông đã đứng quá lâu, tiếp xúc quá lâu với nước và các loại chất độc khác. Ở tuổi của ông thì cũng không cần chữa trị làm gì, và cũng vô ích thôi.

Tới một lúc không thể tiếp tục chịu đựng thêm, ông già thôi không làm việc nữa. Ông ngồi một chỗ nhiều hơn và phải sử dụng thuốc giảm đau. Thật ra thì gần đây ông vẫn nghĩ có thể đã tới lúc không cần làm việc nữa. Ở nước ngoài chắc chắn ngày càng có nhiều người thích ăn ruột những đứa ngu theo cách mà bầy người con của ông đang làm trong các cửa hàng. Mà những đứa ngu thì ở đâu cũng nhiều, sẵn sàng để cho bị mổ bụng. Làm ăn phát đạt, họ phải có nhiệm vụ giúp đỡ ông bằng cách chuyển một phần lợi tức về.

Nhưng khổ sở nhất lại là chuyện không có ông, không có ai muốn làm việc dưới hầm nữa. Người con trai, sau buổi sáng ê chề đó, chỉ còn làm nổi một việc rót rượu liên tục suốt ngày đêm. Anh cười khà khà khi ông già tỏ ý muốn anh giúp châm thuốc vào những chỗ đau trên lưỡi. Cứ để vậy đi, anh vẫn thật chặt nắp ống thuốc giảm đau và nằm dài ra đất, ông bớt nói có khi lại hay hơn đó. Ông già đành giao việc đó cho người con gái. Quyết định đó đối với ông rất khó khăn, nhưng những cơn đau càng ngày càng dày đặc. Từ ngày có vợ, ông chỉ chịu há miệng thật to vào những buổi tối, khi các con ông đã ngủ, và trước duy nhất một người đàn bà.

Người con gái của ông, đã quen sống vui trong những kỷ niệm, không quen săn sóc người khác. Cô luôn tìm cách lảng tránh những lời cầu cứu của ông già. Và cô lảng tránh tất cả. Từ lâu rồi, cô không thấy còn có lạc thú nào thay thế được những cơn râm ran mà cô đã được hưởng riêng một mình. Phải rất kỳ công trong nhiều năm liên tục, từ lúc còn rất nhỏ, mới có thể đạt được kỹ năng siêu việt như vậy, khi mà nước mưa chảy qua chiều dọc thân thể cô đã không tràn ra khỏi miệng hầm.

Ban đầu cô chỉ cố giữ cho dòng nước chảy từ một cái vòi nhỏ dưới đáy một cái chum không phát ra tiếng động khi trôi xuống sàn nhà. Trò chơi đó có lẽ là bí mật lớn nhất của hai người đàn bà đang sống vui trong ngôi nhà dài nhặng. Mẹ cô làm việc đó rất thành thạo. Lần đầu tiên nhìn thấy bà đứng im lìm dưới dòng nước là vào một đêm cô không ngủ được, mò mẫm đi tìm một cái gì đó mà nhiều năm sau cô cũng chẳng biết là cái gì. Trong bóng tối, cô nghĩ là bà đang cống cái chum trên lưng và hình ảnh đó, nhiều năm sau nữa, vẫn chưa phai mờ trong trí nhớ căn cõi của cô.

Nước từ cái vòi nhỏ, cô biết là vẫn còn ấm sau một ngày hè lê thê, chảy xuống ngực mẹ đang ngửa ra, nghiêng mười chín độ theo góc đứng bởi vì bà đang tựa vai vào đáy chum. Mẹ đang chùi cái gì dính trên vú hả? Nước miếng đó con. Sao mẹ lại nhổ nước miếng lên đó? Không phải đâu con, ban đầu mẹ ngăn không cho cô chạm vào người, nước miếng của cha đó. Lát sau, khi hai mẹ con ôm nhau, chia sẻ dòng nước ấm có mùi khen khét

của bầu trời màu xanh xám, cơn râm ran của mẹ cô đã lùi rất xa vào bóng tối, cơ thể trở lại mềm mại như cô vẫn biết về nó.

Cha con có tật mỗi khi gần chết là há to như cái miệng hàm, mẹ cô thì thắm, nước miếng chảy lòng ròng, ghê ơ là ghê. Còn cái gì nữa đây, sao người mẹ dơ quá vậy? Cô chỉ những bọt nước sền sệt trôi từ cái bụng chảy nhào của mẹ xuống sàn nhà. Mẹ cô cúi xuống, xiết cổ vào lòng và áp mặt vào mái tóc mỏng ướt nước của cô, cười rúc rích. Cô nhớ là bà chưa bao giờ buồn, chưa bao giờ cần cố dù hết ngày này qua ngày khác đã trôi đi không thương tiếc trên thân thể người đàn bà có chồng lớn hơn tới mười sáu tuổi này. Nước dơ này là để làm ra em bé đó, mẹ vừa cười vừa nói.

Cô nhớ đã thấy mẹ cô đứng dưới vòi nước, cõng cái chum trên vai như vậy lâu lắm, nhiều lần vào ban đêm, khi anh em cô đã ngủ say. Hình ảnh đó chỉ chịu biến mất biệt tăm trong bóng tối vào ngày cha cô thức dậy và không nhận ra mình nữa với hai cái chân sưng to, cái lưỡi lở loét. Cha tụi con chết luôn rồi, mẹ cô nói.

Một ngày hè lê thê, bà đã kể cho cô nghe cái cách bà đã phát hiện ra trò chơi thần thánh đó, sau mỗi lần bị cha cô vật cho như tử và đổ đủ thứ nước lên người. Đó là khi bà một mình chà rửa chiếc xe đẩy bằng gỗ hoa trà sau mỗi lần đem lòng ruột ra chợ về. Bà để cho nước cuốn trôi những vệt mỡ ngấm thuốc tẩy trên sàn xe và ngạc nhiên thấy nó chảy thành một dòng duy nhất, ở nơi đã lõm xuống bởi những chiếc xô đựng lòng ruột bị kéo xềnh xệch mỗi ngày.

Gỗ hoa trà không cứng như nước mưa, nhưng nó lì lợm và căng nức dục vọng trong những thớ thịt màu vàng nâu. Trong nước, chiếc xe giống như mới hơn, đồ óng như con trâu tơ chưa nhìn thấy đường tới lò mổ bao giờ. Mẹ thử vài lần và chỉ thấy tập trung hơn khi tìm cách đưa cái chum lên trên một cái bệ cao, để áp lực nước lớn hơn.

Những ngày mưa, nước mát rượi khiến những nhọc nhằn trôi đi nhanh hơn. Nước rửa sạch những thứ nhớp nhúa ông già để lại trên người mẹ sau những lần hành hung dai dẳng như súc vật. Nước trong cái chum trở thành người tình dịu dàng của mẹ mấy chục năm trời, cho tới khi ông già không còn làm gì được nữa.

Căn hầm được trát lại các bức vách, những tấm đục rất dày đập lên trên, trừ một ô nhỏ chừa lại gần mái ngói, khiến nó có vẻ sạch sẽ hơn vào ban ngày. Những người khác trong nhà lắp một đường xối dưới hai đầu mái ngói và căn hầm được dùng làm chỗ cất nước mưa để dành cho những ngày hè lê thê. Căn hầm quá lớn khiến cho những cái chum trở nên vô dụng. Tuy nhiên cô đã nhanh chóng phát hiện ra vị trí của đường xối vào một ngày mà trận mưa quá già, căn hầm tràn nước. Chỉ có mẹ cô thì không thể thay đổi địa điểm được, và cũng chẳng cần nữa. Sau sự kiện ở ngôi nhà người tình anh trai cô, mẹ cô chợt trở nên buồn rầu cần cố, trong khi những cơn đau ở lưỡi đã tiêu diệt chồng bà, ông già, hoàn toàn.

Kiếp này không được làm máng xối thì biết làm gì đây? Nhiều khi cô vẫn nghĩ như vậy, vào những lúc khả năng định thần đạt tới cực điểm, trận mưa hứa hẹn sẽ còn dữ dội hơn nữa. Cơn râm ran kéo dài liên tục khiến góc nghiêng trên ngực cô lớn dần hơn mười chín độ và cô gần như lơ lửng nửa phần trên trong không khí. Nước mưa thật là sạch và cơ thể của cô còn sạch hơn. Nước cứ trượt đi, trượt hoài qua cơ thể một cô gái già, ngoan ngoãn miệt mài chảy vào miệng hàm tối đen như màu kỷ niệm chưa một ngày phai mờ. Nước sẽ còn chảy nữa, chảy bất tận nếu như không có một ngày tiếng thét khiếp đảm của cô cất lên.

Đó là một trận mưa nối tiếp nhiều trận mưa trước, dày đặc tới mức cô không kịp hong khô quần áo. Có thể là cô đã bỏ qua trận mưa nếu như ngay trước đó không phải đối diện với cái miệng đang há to của ông già, để cho nước miếng chảy lòng ròng trong một cơn đau nhức thê thảm. Làm sao mẹ cô có thể chịu đựng lâu như vậy với cái miệng của ông già? Ý nghĩ đó lớn vồn khiến cô không làm sao tập trung được.

Rồi cô phát hiện ra dòng nước chảy theo góc nhọn của vạt áo xuống miệng hàm không tạo ra chuỗi âm thanh trong trẻo như mọi lần. Vẫn giữ nguyên tư thế nhưng cô hơi rướn người lên để nhìn vào miệng hàm. Không nhìn thấy gì, tối đen quen thuộc. Cô lấp đoạn máng xối vào chỗ cũ để nước không tràn ra nhà, sau đó leo lên miệng hàm. Ở một khoảng cách sát với miệng hàm, cô vẫn không thấy gì. Nhưng tiếng nước chảy rõ ràng nghe rất đục, không giống như đang rơi trên mặt nước. Cô quyết định thọc tay xuống hàm và gần như ngay lập tức chạm vào một đồng trơn mềm đang nổi lờ.

Tiếng thét của cô khiến cho trận mưa giạt nẩy, ngừng rơi một cách đột ngột. Ông già là người có mặt đầu tiên cho dù phải lết đi trên hai chân sưng to như vòi con voi. Ông thấy con gái mình người ướt đẫm, quỳ sụp cạnh miệng hàm chứa nước với mấy sợi lòng ruột trắng hếu, dài lòng thòng xổ tung trên sàn nhà. Những sợi lòng không có mùi thuốc tấy, tuy nhiên một số đoạn có màu xanh xám của nước mưa.

Trong khi đó, dưới gầm cầu thang của căn gác, người con trai, anh cô, đang ngồi bó gối với cái quần ướt của mình. Anh sung sướng khi tưởng tượng cơn giận sẽ thiêu đốt ông già tới mức nào khi nghe anh giải thích số lòng ruột đó là lợi tức của bảy người con ở nước ngoài gửi về cho ông. Mấy người đó không có dạy được cho ai cái gì đâu, anh sẽ cười khà khà và nói, đừng có tưởng bở.

Đồng khô nước ròng

Bây giờ tôi đã ở trước hiên nhà Khon, còn sau lưng là một quãng đường xa, hai khúc sông hẹp nhưng sâu và đầy bùn cùng những ngày dằng dặc từ tháng tư cho tới tháng mười. Suốt những ngày dằng dặc đó tôi chẳng làm được chuyện gì, còn Khon thì làm đủ thứ, đã kịp đi tới tận góc trời nào mà ở đó không có tôi.

Tôi tưởng tượng Khon không có trong nhà. Nhưng sẽ tìm thấy cô ở rẫy mía, nhỏ và cô độc như dấu chân con cò ma để lại trên bờ cỏ lác tháng chín. Những bờ cỏ vàng rực xen kẽ giữa những cánh đồng nước sáng loáng của tháng chín. Tôi sẽ mất một lúc để thuyết phục Khon là không cần uống nước, cho nên không cần phải vô nhà. Rồi để khỏi nhụt chí tôi sẽ tuôn liền một mạch. Tôi sẽ nói nhanh nhưng lặp đi lặp lại nhiều lần để giữ nguyên cơn hào hứng đã chuẩn bị trước. Tôi sẽ kể về những ngày dằng dặc đã qua và khéo léo tiết lộ là tôi đang chờ đợi điều gì. Khon sẽ nghe nhưng đầu cúi gằm.

Hồi tháng tư tôi đã có một cơn ác mộng đúng y như vậy. Nó cứ nối tiếp nhau nhiều đêm tới nỗi cả người tôi đau nhức mỗi lúc có chuyện phải dầm mưa. Những cơn mưa đầu mùa tháng tư rất dữ, bất kể ngày hay đêm. Tháng tư là quãng cuộc đời của đất và của quỉ sứ. Đồng khô nê từ tháng giêng uống mưa như quỉ sứ uống bóng đêm, uống như không bao giờ hết khát, làm hoảng sợ những con trâu đã bắt đầu quen với cỏ khô. Tôi với những con trâu cùng uống một ít rượu thốt nốt trước khi cắm lưỡi cày xuống cánh đồng sẫm sấp nước. Dưới bầu trời màu tro cứ gằm thét, những lát cày lật lên liên tục nổi nhớ. Tôi nhớ

Khon. Đôi má màu đất tươi non của cô gái Khơme lai Tiều làm tôi ngỡ ngẩn từ tháng giêng. Những đêm đi xem dù kê của tháng giêng tôi đã chẳng làm được gì cho đáng mặt nam nhi mặc dù đã uống bao nhiêu nước. Tôi chịu được âm sắc chói lói của Khon, một sự pha trộn giữa người cha và mẹ. Và tôi cũng chịu được một cái dạ dày anh ách nước mặc dù tôi thích rượu thốt nốt hơn. Vậy mà tôi chẳng có gì ngoài những cơn ác mộng.

- Tôi không làm gì được cho anh đâu.

- Đâu có cần làm gì. Trong cơn mơ tôi đã vò nát một nắm lá mía. Hai đứa mình chỉ cần thời gian.

- Tôi đâu có làm được thời gian.

- Tôi làm được. Cho nên tôi sẽ không hối thúc em.

Kiểu nói chuyện giữa tôi với Khon trong lúc mơ rất kỳ quặc. Tôi nói bằng tiếng Việt, còn Khon trả lời bằng tiếng Khơme, bằng một thứ âm sắc chói lói.

- Có muốn hỏi cũng không được. Bây giờ anh vô nhà đi, ba tôi trong đó. Anh uống nước nhiều lắm mà. Ở đây anh không làm được gì đâu, tôi không thích anh.

- Tại sao vậy? - Tôi choáng váng tới nỗi không nhận ra được sự ngỡ ngẩn của mình nữa. Khon lừ lừ nhìn tôi. Và cô nói bằng tiếng Việt, bằng một cách mà khi giật mình ngồi dậy tôi thấy đau thắt ở cổ.

- Có thể nói được là tại sao người ta không thích à?

Khi mà nắng tháng giêng vừa đủ khô lồi cộ trâu kéo lúa đồng xa, đó là lúc người ta mời đoàn dù kê về sân chùa, hát trong những ngày có lễ cầu phúc. Tôi biết Khon lần đầu tiên cũng trong một đêm hát dù kê. Trên một khoảng ruộng khô đã được dọn sạch gốc rạ, trong khi chờ đoàn kịch hát tới người ta chiên bánh cốm, nướng bánh tráng trên lửa rơm và gọt những cây mía màu tím.

Rượu thốt nốt đựng đầy trong những thùng nhựa và người ta bán nước giải khát chung với thịt xào, cá kèo khô. Trong ánh sáng của đèn dầu và lửa rơm, sân khấu được dựng lên bởi những tấm ván xếp trên những cái thùng sắt to người ta lấy để chứa dầu trong những khi hỏa táng. Phía sau sân khấu, vượt lên trên hàng trâm bầu cao lớn và già cỗi bao giờ cũng có một mái chùa chóp nhọn màu xanh âm uớt. Trong những ngôi chùa đẹp để đó bao giờ cũng có những lớp học dành cho trẻ con.

Thỉnh thoảng tôi cũng thay ông thầy người Khơme trong những lớp học đó, khi ông ta còn lo kéo cho xong những bó lúa cuối cùng về sân đập. Tôi thích dạy đánh vần tiếng Việt cho lũ trẻ con Khơme mặc dù tháng giêng còn bao nhiêu việc đang chờ. Tôi thích chọc phá những đứa nhỏ nhanh nhẹn, da mồi thếch vì phèn và chân tay lúc nào cũng lấm lem mực. Nhưng rồi chỉ vài tháng sau tôi đã không còn lui tới ngôi chùa đó nữa. Chỉ vài tháng sau thôi, người ta đã đem Khon vào chùa, như vẫn đem những con cá đã chết cho các sư sãi. Ở đó Khon lặng lẽ cháy thành tro bụi.

Từ chỗ tôi ở tới được đám hát dù kê phải đi qua hai khúc sông hẹp nhưng sâu và đầy bùn, một cánh đồng có chỗ đất còn mềm, tua tủa gốc rạ. Tôi bỏ quần áo vào một cái túi bằng cỏ lác, tròng qua cổ và lội sông với cái quần đùi.

Khon đứng sau một cái bàn cao bằng gỗ, sau đồng ly chén, hộp sắt và những chai xirô xanh đỏ. Chòi nước của cô chỉ bán trong những ngày có dù kê, lễ loi ngọn đèn dầu và không có vách ngăn. Khon pha cà phê bằng một thứ nước sông đã chớm có vị mặn của đồng khô. Bột đậu nành thì không thể nuốt nổi vì rang quá lửa.

Tôi ngồi ngây ngô trên cái túi cỏ nhìn Khon pha chế những thứ nước rừng rợn đó cho mấy thằng nhỏ đi xăng đan cao gót. Gần nửa đêm, khi trên sân khấu diễn tới đoạn gã cường hào cướp công của bạn mình là một anh tiều phu để đem xác con ác thú về lấy công với vua, tôi đã uống hết ấm trà thứ tư và đã mất hết cảm giác êm ái với cái túi cỏ. Đó là lúc Khon nhìn thấy tôi.

- Anh ở xã về hả ?

- Sao em biết ?

Ánh lửa rơm nhảy múa làm sáng lên một nửa vàng trán màu đất non. Khon giống như miếng củ cải muối, giòn và hơi hăng hăng. Hèn gì mấy thằng nhỏ đi xăng đan cố uống cho hết những thứ cô pha chế.

- Đua ghe năm ngoái anh giữ lái phải không?

- Trời ơi đúng rồi! - tôi hỉ há kéo miệng tới tận mang tai - Sao lúc đó tôi không thấy em vậy? Em biết không, trước đó tôi có biết chèo ghe đâu. Phải tập dữ lắm, tiếc là không gặp may. Nhưng mà thua đâu phải tại tôi, đúng không?

Trên sân khấu, lão vua già đang rú lên mừng rỡ trước cái xác mềm oặt của con rắn có chín đầu bằng vải nhồi rơm mà gã cường hào đem đến.

- Không phải tại anh - Khon lắc lư hai vai, cô nói tiếng Việt chậm hơn mức bình thường - Nhưng người khác cầm lái chưa chắc bị đâm vô trụ cầu.

Không còn cơ hội nữa vì bên cạnh Khon thành linh xuất hiện một tên khổng lồ với mái tóc đen bóng và gương mặt của ác vương Nayan. Quá nửa đêm, con nước ròng đã đứng và căn chòi của trạm khuyến nông đang chờ tôi. Có bao nhiêu việc của tháng giêng chờ tôi. Lúa chắt cao giữa sân phơi bạc màu không khác gì những ụ rơm chờ đem đi đốt đất nê, sau khi đã chắt cao như vậy trong những ngôi nhà bằng lá dừa nước. Trong tổ thu gom lúa nợ của xã, tôi kéo chiếc tam bản đi hết cánh đồng này tới cánh đồng khác.

Lúa trả thay cho phân bón, thuốc trừ sâu mượn từ năm ngoái, và lúa để đổi lấy tiền đi xem dù kê tháng giêng được tôi chắt khảm chiếc tam bản vào lúc nửa đêm, rồi lên đường khi con nước lớn đã đầy sông vào rạng sáng. Hôm sau từ trạm trung chuyển trở về, chiếc ghe gắn đuôi tôm vẫn tiếp tục nhảy điệu lăm thon qua những cánh đồng nước sáng loáng. Còn đám lục bình trên sông thì nức nở vì rượu thốt nốt tôi tưới đầm đêm qua.

Chưa hết tháng giêng tôi đã hai lần tới chơi nhà Khon, một lần khi ghe lúa đã chìm ngấm trong hoàng hôn và một lần trở về dưới bình minh. Một ngôi nhà nửa gỗ nửa lá dừa có một ông già Tiều suốt ngày ngồi uống trà với đường thè. Tôi đem theo một ít cá sặt còn thơm nức mùi bùn và ung dung uống rượu thốt nốt của ác vương Nayan trong lúc chờ Khon về.

Tôi kể chuyện đồng gò đã thiếu nước khi lúa mới trở đồng trong khi ông già Tiều rên rầm chuyện lúa đồng sâu lá nhiều hơn bông. Tôi nói về đức hạnh của mình còn ông già im lặng cuốn thuốc lá. Ông già đang gửi hồn về quê cũ. Mùa thu năm ngoái những người bà con từ kiếp trước của ông đột ngột tới thăm, đem theo mấy giỏ củ cải muối và những câu chuyện có mùi vị xa lạ từ quê nhà. Những người bà con mặc áo thắt nút vải đỏ kể là quê hương thì to rộng bạt ngàn, nhưng khi rời chân tới xứ người thì chẳng khác gì phận con cúm nùm, chỉ dám mở miệng lúc hoàng hôn.

Ông già Tiều buồn mất mấy ngày trong lúc ăn cháo với củ cải muối. Tôi không biết quê cũ của ông già ở chân trời nào. Tôi chỉ mong gặp Khon. Cả hai lần tôi tới đều không gặp Khon. Sau đó tôi tìm thấy cô trong rẫy mía, khăn rằn trùm kín mặt. Tôi nói với Khon là sau chuyến lúa này tôi sẽ mua một vài thứ ở thị xã rồi dẫn trạm trưởng của tôi tới chơi nhà cô, nói chuyện đảng hoàng.

- Đừng có làm mấy cái chuyện lãng xẹt đó nữa.

- Sao lại lãng? Tôi muốn ở với em. Tôi có thể xin được đất làm nhà cho hai đứa mình. Mà tôi cũng có thể dẫn em về thị xã.

Đó là lần duy nhất Khon nhìn thẳng vào tôi. Cái khăn rằn chỉ chừa khoảng trống từ chân mày tới sống mũi. Ở đó có một đôi mắt màu nâu sẫm đang quắc lên.

- Bệnh tật từ miệng vô đó, nói ít thôi.

- Tại sao tôi không được nói nhiều? - Bất thành linh tôi nổi khùng mà không biết tại sao - Tôi tới tìm em, cong xương sườn xương sống ngồi chờ mà em nói với tôi như vậy sao ?

Rồi tôi dùng dùng bỏ về.

Bây giờ tôi đã ở trước hiên nhà Khon, bỏ lại sau lưng những cơn nước ròng nửa đêm tháng tư. Còn mấy vũng nước trước sân, vài cọng rơm, một cây chùm ruột thấp lùn chũn mà dưới gốc của nó còn rơi rớt những hạt lúa xanh. Chắc nhà Khon đã gặt xong lúa sớm và đã lấy chỗ này làm sân đập. Những bó lúa rất to, nhiều lá và nặng trĩu nước mùa thu. Chắc từ dưới sông về đây Khon cũng đem theo trong mình bao nhiêu nước, có khi là bùn non và rễ lục bình nữa. Những thứ khác sẽ thành tro bụi theo Khon, chỉ có nước thì không. Nước sông tháng tư vẫn còn lợ như nước mắt. Lúc này trên đường đi tôi có ngậm nga một hồi dưới khúc sông thứ hai, nơi người ta tìm thấy Khon. Từ khúc sông này về nhà cô chỉ còn một bãi đồng ngắn sấp nước.

Từ chỗ tôi đang ngậm mình theo con nước ròng chẳng bao lâu Khon sẽ trôi xuống căn chòi của trạm khuyến nông, nơi tôi đang ca hát với mấy cái còng cua nướng lửa rơm. Đêm trăng con nước rút càng xiết, có thể cuốn trôi cả một cánh đồng. Vậy mà có một đêm tháng tư trong khi tôi đang thả vó đón con nước ròng, vừa ngửa mặt thả men thốt nốt vào ánh trăng thì Khon với cái chân bị vọp bẻ đang lặn ngụp chơi với trong đám lục bình. Chỉ có những con cá sặt, những con tôm sặt mới biết tại sao cô đi gỡ lưới một mình tới giờ đó chưa về. Hết thấy đều trôi xuống với tôi, cá sặt, tôm sặt và đám lục bình, và cả dòng sông đều trôi xuống với tôi, trừ Khon.

Anh trai của Khon trong nhà bước ra. Ác vương Nayan ngồi xuống bậc cửa, vừa hút thuốc vừa đuổi bầy bù mắt bu quanh chân.

- Làm được mấy công ruộng?

- Hai.

- Trúng không?

Tôi cứ nghĩ lẫn thẩn về mấy con cá sặt, con tôm sặt. Khi nào tên khổng lồ ngưng hút thuốc, hiên nhà tĩnh lặng lại thơm nức mùi rơm non mùa thu ai đó đang nấu cơm. Tiếng rúc nặng nề của con chim cu ngoài đồng vọng lại. Khi nào nghĩ ngợi mông lung, tôi lại thấy trong lòng bải hoải và lo không biết thời gian có mắc kẹt đâu đó không.

Tôi xạo Khon, vì nếu làm ra được thời gian tôi đã không bị mất cô một cách khó hiểu như vậy. Nếu biết không có thời gian, tôi sẽ không nổi khùng bất tử, không bỏ về một cách dễ dàng như vậy. Và nếu làm ra được thời gian, tôi sẽ làm ra lại tháng tư rồi đứng chờ cô ở khúc sông thứ hai.

Tháng tư là mùa thả lưới, cất vó. Những trận mưa đầu mùa thổi thúc lũ cá đồng lên ruộng tìm chỗ đẻ trứng. Nước sông mát rượi đang đứng ròng là lúc tôi bắt đầu thả vó trước căn chòi của trạm khuyến nông. Không lớn lên ở đây nhưng tôi vẫn làm được đủ chuyện, kể cả đóng một cái vó to bằng nửa cái trạm. Tôm cá nhiều và tôi thích uống rượu thốt nốt của mấy gã nông dân thứ thiệt đem tới vào lúc hoàng hôn.

Khi nước sông còn đầy, chúng tôi vừa cột vó vừa nướng cá bằng những khúc tre nhỏ. Một anh chàng cứ lải nhải chuyện đồng gò chưa có nước trong khi đồng sâu nhiều cỏ dừa không có chỗ gieo mạ. Tôi ngồi nghe họ ca tụng những nàng thôn nữ mắt nâu xen kẽ trong những lời nguyện rửa kẻ thù vì đã để vịt ăn lỗ chỗ đám mạ mới gieo. Đôi khi vó của tôi đón được những con cua vỏ xanh như mái chùa Khơme. Những lúc như vậy, khi niềm hân hoan đã dâng lên dào dạt, nước mắt me và rượu thốt nốt thấm tới tim, chúng tôi nấc lên dưới trăng những bài tình ca boléro.

Giữa khoảng không màu vàng chanh thỉnh thoảng, khi bầu trời đã dừng những cơn gằm thét tháng tư, chỉ có cây tràm tróc lờ, cây so đũa cô độc và cây bần già nua run rẩy mới biết được làm sao mà chúng tôi có thể hát nhiều như vậy. Anh chàng hay lải nhải có một cây đàn cò làm bằng gáo dừa. Sau khi nhúng nó vào rượu thốt nốt, anh ta bắt nó cất lên một

đoạn nhạc gì đó rất kỳ quái, lúc thì như tiếng thờ thồn thức của dứa nước trộn trong tiếng ngắc ngứ của gàu dai tát nước, ò ma đi tìm nhái bầu trên bờ ruộng.

Nửa đêm một mình đi gỡ lục bình tắc trên miệng vó, tôi vẫn còn nghe tiếng đàn cò theo con nước trôi đi, càng lúc càng xa. Khi tiếng cồng từ chùa ngân nga quanh những cành trâm bầu, tôi đã ở rất sâu trong giấc mộng của mình, giấc mộng nối tiếp đêm qua. Tôi lại gặp Khon sau một ngày xa cách, trong lúc xác phàm đã mềm nhũn giữa lòng chiếc tam bản và một chân đang lơ lửng giữa trời nước.

- Em nghe tôi chút đi. Tôi xòe bàn tay đầy phấn mía về phía Khon - Còn rất nhiều thời gian để em biết tôi mà. Dọn đồng xong tôi sẽ về nhà, nếu em muốn tôi có thể dẫn em theo. Em phải nhớ là tôi ở đâu cũng được, miễn là với em.

- Ở đâu cũng được? - Khon lắc lư hai vai như đêm ở lễ cầu phúc, khi muốn khiêu khích tôi

- Ở đâu là chuyện của anh, không phải của tôi.

- Em đừng nói vậy, tôi làm gì không phải với em đâu?

Khon nín lặng. Tôi không chịu thôi. Giữa đồng nước sẫm sấp thẳng tắp, linh hồn vật vương của tôi cứ ngựa cổ lên trời. Tôi nói là tôi muốn ở bên cạnh Khon, và tôi cũng không có gì khác với bất cứ một gã nông dân nào ở đây. Lưỡi cày do tôi tự tay làm lấy cũng lật đất về bên trái như những người kia, và tôi cũng mài rất kỹ trước khi đem ra đồng vì tôi cũng thương con trâu như những người kia. Và tôi với cô cũng giống nhau nhiều thứ, người nào cười cũng to và khóc cũng nhỏ.

- Mấy cái rầy mía bỏ hết rồi, tao tính trồng thử đậu trắng - tên khổng lồ lại lên tiếng sau một đợt im lặng hút thuốc - Cỏ quá trời dọn không nổi.

Tôi lại nghe thấy tiếng cu rúc ngoài đồng vọng lại. Khi đã no lúa, tiếng rúc của nó nghe rất gọi tình.

- Tại sao Khon ghét tôi dữ vậy?

- Nó nói với mày vậy hả?

- Chưa nói - tôi lắc đầu.

Tên khổng lồ sẫm soi cái hộp quẹt, chắc sắp sửa hút thuốc nữa.

- Nó đâu có ghét mày, nó chỉ không muốn làm con cúm nùm.

Tôi tưởng ác vương Nayan nghĩ quần qua chuyện khác.

- Nhưng tôi có nói sẽ đi chỗ khác ở đâu.

- Mày sẽ đi. Mày giỏi hơn những đứa ở đây cho nên mày sẽ đi - tên khổng lồ thờ hất một cái, chắc để đuổi con bù mắt đang bu trên mũi - Ở đây là được rồi, đi chỗ ở khác phạm đâu có hơn gì con cúm nùm.

Chỉ có cây trâm trúc lờ, cây so dũa cô độc và cây bần già nua run rẩy mới biết được tôi đã tiếc những ngày tháng tư tới chừng nào. Đúng là thời gian bị mắc kẹt ở đâu đó giữa tháng tư tới tháng mười, giữa đồng khô ngày ngày thẳng thốt chia tay với con nước ròng.

Tôi chẳng làm được chuyện gì từ tháng tư cho tới tháng mười còn Khon thì làm đủ thứ.

Nấu mấy ấm nước, quần khăn rằn lên người mà đánh lá mía, thả mấy lần lưới mà vẫn còn đủ thời gian nói mấy lời cay đắng với tôi trước khi bỏ đi biệt.

**Nên có thông điệp,
nhưng thông điệp phải mới,
chân thành, không dạy đời**

(Tác giả Đỗ Phước Tiến trả lời phỏng vấn của talawas chủ nhật)

talawas chủ nhật: *Cũng giống như "Đảo của dân ngụ cư", truyện ngắn "Nước thánh" của anh có những chi tiết rất ám ảnh về cuộc sống của dân lao động. Việc giết mổ súc vật, làm sạch lòng ruột trâu bò..., những sinh hoạt đời thường của các nhân vật luôn diễn ra trong những không gian chật chội, tù túng, bị nén chặt... Anh có thể nói gì về những chi tiết rất đặc trưng này? Có thể hiểu đó như là những ẩn dụ được chăng? Ẩn dụ về điều gì?*

Đỗ Phước Tiến: Những nhân vật của tôi chủ yếu là người lao động chân tay. Tôi nghĩ mình có thể viết những câu chuyện về tầng lớp này được, không gượng ép lắm vì đó là thế giới của tôi, ít ra là tôi cũng đã sống hơi lâu lâu trong đó. Tôi đã từng thử đóng vai một họa sĩ, thất bại thảm hại. Còn ám ảnh thì đương nhiên rồi, người lao động trí óc có kiểu ám ảnh khác, và người không lao động cũng không chắc là không có ám ảnh.

Không chỉ trong "Đảo của dân ngụ cư" hoặc "Nước thánh" mà trong những truyện ngắn khác, các nhân vật của tôi đều luôn luôn xoay trở trong một khoảng không chật chội (dùng từ nén chặt là rất chính xác). Tôi không nghĩ điều đó chứa được một ẩn dụ. Không chắc, và tôi cũng không định làm như vậy. Đơn giản đó là ý thích và cách mà tôi nhận biết cuộc sống chung quanh. Hãy thử nhìn chung quanh cuộc đời mình đi: lớp học, bạn bè, miếng ăn, việc làm, đồng nghiệp, vợ con, nhà cửa... May mắn hơn thì có những lần đi chơi, bỏ bịch, bù khú, sông bãi, những cuộc gặp gỡ mới, những cảm xúc mới... Rồi xui xẻo hơn thì nghèo đói kiệt quệ, bệnh tật, thất bại, ở tù, chui vô hòm khi đời còn đang phơi phới. Quan đi quản lại chừng đó thôi. Thêm những nhánh rẽ từ mục này thì có chạy cho xa cho lâu mấy đi nữa cuối cùng vẫn cứ gom về một mục khác trong chừng đó mục. Có thể đối với người khác như vậy là nhiều, còn với tôi là ít. Tại sao chừng đó mà còn nói là ít thì chịu, tôi không thể giải thích thêm được. Nó tùy thuộc vào cách đánh giá của mỗi người. Và nhân đây xin hỏi luôn, đời thường là cái gì? Tôi không thấy có sự khác nhau giữa việc một chính trị gia thích hợp hành và cạo râu. Trong phòng họp hay trong toa-lét đều chật chội, tù túng như nhau, vấn đề là ông ta có thể hiện đúng bản chất con người mình ở hai nơi đó không. Tôi nghĩ là đúng, vì đó là những việc ông ta thích, thường xuyên làm. Vậy thì phân biệt thường hoặc không thường để làm gì?

Tôi cũng có tham vọng tạo ra một sự khác biệt. Trong một không gian/thế giới chật chội, trì đọng, bức bách, ở một mức độ nào đó có thể còn là những không gian trống (không có ngôn ngữ, quan hệ, hình thái xã hội), tôi sẽ dễ dàng giới thiệu phẩm chất và nỗi lòng của các nhân vật. Hãy thử tưởng tượng xem: bạn đang bị bỏ đá, lại bị nhốt trong một cái thùng phuy. Có sự cô độc nào đáng được thưởng thức hơn nữa không? Ờ, cho đó là ẩn dụ cũng được, nhưng xin nhắc lại là tôi không định làm như vậy. Ẩn dụ mà như vậy thì thường quá, uống bao nhiêu thời giờ vàng ngọc của bạn đọc. Tôi muốn tạo một sự khác biệt vì văn chương muốn như vậy.

talawas chủ nhật: *Trở lại truyện ngắn "Nước thánh". Có thể nhận thấy rõ ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện thực huyền ảo, nhất là trong những chi tiết: những cơn mưa và những mùa hè dài lê thê. Thậm chí người ta có thể nhận thấy một số cấu trúc câu của G. García Marquez (qua bản dịch của Nguyễn Trung Đức) trong truyện của anh. Xin cho biết lý do?*

Đỗ Phước Tiến: Chẳng có lý do gì cả. Cho nên tôi hiểu đây có thể là một câu hỏi khiêu khích, hỏi một mà muốn biết hai. Trong những trường hợp này, thường phản ứng của tôi là: nói vậy không sợ xúc phạm ông García Marquez sao? Tôi hâm mộ García Marquez và tôi cũng như những bạn đọc không biết tiếng Tây Ban Nha khác, đã biết ơn cố dịch giả Nguyễn Trung Đức. Nhưng mà tôi cũng hâm mộ rất nhiều nhà văn khác nữa. "Đảo của

dân ngụ cư” từng có 3 người nhận xét là giống Gorki, sau đó cả 3 người này đã phải ân hận. Tôi dám cá chủ nghĩa hiện thực huyền ảo không phải là của riêng ông García Marquez. Chẳng qua ông ta viết quá ngon cho nên ai muốn thử liền bị chộp mủ. Ngày hôm nay tôi được thông báo là trong truyện của mình có một số cấu trúc câu của García Marquez, mai một lại được thông báo có cấu trúc câu của một nhà văn khác trong danh sách hâm mộ của tôi, sang năm lại một nhà văn khác, tới cuối đời lại một nhà văn khác nữa. Tôi không tin mình có nhiều tài năng như vậy. Tôi viết rất khổ và theo tôi thì trong cái cuộc đời đầy những nghi ngờ này, cảm giác mạnh mẽ và ngậy ngát nhất của hạnh phúc chỉ xảy ra trong lúc đang sáng tác, nghĩa là trong lúc đang viết ra từng chữ một. Viết xong rồi là hết, quay lại chế củi nấu cơm thì cũng hạnh phúc, nhưng không mạnh mẽ và ngậy ngát bằng. Tôi nghĩ ông García Marquez dù có là thần tượng đi chăng nữa, vẫn chưa có đủ tư cách tước đoạt hạnh phúc của tôi đâu.

50 năm nữa, một chú bé nào đó bị gán cho là đã có cái không gian chật chội, tù túng của Đỗ Phước Tiến trong bài tập làm văn của nó, chắc nó sẽ nổi giận. Bởi vì hoặc là nó, hoặc là tôi bị xúc phạm.

talawas chủ nhật: *Anh có bao giờ cho rằng một truyện ngắn, ngoài việc nó càng hấp dẫn càng tốt, vẫn cần/vẫn nên có một "thông điệp" nào đấy không? Nếu có, anh có thể nói ra với bạn đọc không? Cụ thể, thông điệp của "Nước thánh" là gì? (Vì thú thực, chúng tôi không hiểu đoạn kết của truyện.)*

Đỗ Phước Tiến: Nên có thông điệp, không phải một mà càng nhiều càng tốt, nhưng với điều kiện thông điệp đó phải mới, phải chân thành, đừng có mà dạy đời. Tự giới hạn trong những điều kiện đó là tôi muốn bày tỏ sự kính trọng của mình đối với thời giờ vàng ngọc của bạn đọc. Liệu trong một đời viết, một người với sức sáng tạo bền bỉ như García Marquez có thể đưa ra được mấy thông điệp? Tôi không chắc là nhiều. Cho nên giải pháp dễ chịu nhất là hãy viết ra một câu chuyện đọc được, hay hoặc hấp dẫn thì tốt quá, rồi nếu vẫn còn sức thì hãy đổ vào đó một đồng thông điệp theo cái cách mà bạn tin là mỗi người đọc sẽ nhận biết nó theo cách của họ. Còn nếu đã kiệt sức, thôi làm gì cho mệt thêm. Bản thân một câu chuyện hay đã chứa được rất nhiều thông điệp rồi. Nếu gặp may, bạn sẽ được một độc giả nào đó, trong khi bình phẩm đã miễn phí cho một thông điệp "nhân văn, tất yếu, muôn thuở" mà mức độ uyên bác của nó chưa chắc trong lúc viết cái truyện đó bạn đã nghĩ tới. Còn xui xẻo thì có gì phải nói nữa.

"Nước thánh" là câu chuyện về một gia đình gồm những người có dấu hiệu mất thăng bằng trong đời sống tinh thần (có thể chẳng mất thăng bằng chút nào, tùy quan điểm bạn đọc). Nghề kiếm sống của họ có thể bất thường hoặc không bất thường, tùy. Vấn đề là từng người trong gia đình đó, trừ ông già, đã rất độc lập, không chờ đợi vào sự chia sẻ hay một cái gì đại loại như vậy từ phía những thành viên khác (một thông điệp). Cùng sống với nhau trong một nhà nhưng mỗi người, kể cả 7 người vắng mặt vì ra nước ngoài, tự tìm kiếm và tự cung cấp cho mình một hạnh phúc/nguồn sống riêng và cố gắng giữ gìn điều đó cho riêng mình, mặc dù toàn là những điều nhỏ mọn trong cái thế giới nhỏ bé của họ (một thông điệp nữa). Ông già là một đối tượng khác, muốn sống bằng sự thắng lợi của người khác (hay khoe về 7 người con ở nước ngoài) và cho mình có quyền can thiệp vào đời sống người khác (tới quây nhà người tình của anh con trai). Đổ bệnh vì một đời lao lực nuôi con vẫn chưa đủ, ông già tiếp tục bị chính con trai mình tấn công, đời là thế (lại một thông điệp nữa). Với cái kết của "Nước thánh", cách hiểu nhanh nhất là: anh con trai với thói quen thủ dâm, cần phải có một bộ lòng ruột để tạo cảm hứng, vì anh ta hình thành thói quen dễ thương đó trong lúc đang súc rửa lòng ruột. Hành sự xong anh ta vứt bộ lòng đó vào hầm nước (trước đó dùng làm nơi súc rửa lòng ruột trâu bò) là một hành

động bản năng và thông qua đó trả đũa ông già: từ cái hầm này ông nuôi 7 đứa con đầy tự hào của ông đó, bây giờ mấy người đó, cũng như tôi thôi, có quái gì trả ơn ông ngoài một đồng lòng ruột ngậm nước? Mà thứ này cần gì ra nước ngoài mới có (lại một thông điệp nữa). Tất nhiên trong một cuộc trả đũa nào mà không có người bị vạ lây. Ở đây là cô gái.

Nước làm cho lòng ruột có mùi như lúc mới lấy từ trong bụng con trâu ra (người ta thích vậy), nước làm dịu thân thể của người mẹ sau những giờ phút "yêu" chồng và bị chồng "yêu", nước làm cho cô gái nhẹ nhõm hơn trong cuộc sống cô độc, và nước là sạch nhất. Gọi là nước thánh thì đâu có gì quá lời đâu? (Một thông điệp nữa? - cũng được.)

Làm ơn nhớ giùm đây là một trong những gợi ý của tôi, với tư cách là tác giả. Tôi ghét phải giải thích. Viết văn là một cách giải thích mình đang nghĩ gì trong đầu một cách lịch sự, đàng hoàng nhất. Vậy mà lại phải giải thích tiếp cái mình đã viết ra. Cho nên hãy quên cái gợi ý ngớ ngẩn vừa rồi, quên luôn mấy cái thông điệp dở hơi đó và... tiếp tục đọc lại "Nước thánh" đi, nếu như bạn muốn tìm kiếm những điều khác nữa trong đó. Còn nếu như đã đọc đi đọc lại mấy lần rồi mà vẫn không hiểu được, có nghĩa là tôi đã viết ra một thứ còn tệ hơn ngớ ngẩn, tệ hơn dở hơi? Vậy té ra với "Nước thánh" tôi đã thất bại rồi sao?

"Nước thánh" là cái tôi nung nấu rất lâu trước khi viết ra. Một truyện ngắn thôi, nhưng nó thể hiện chính xác nhất những gì tôi đã tạo lập được cho cuộc đời văn chương của mình ở thời điểm này. "Đảo của dân ngụ cư" là một phần đời tôi từng sống, có thể thành công nhưng đó là quá khứ. Có thể là tôi sẽ thất bại, hoặc cả cuộc đời tôi vốn đã là một thất bại, nhưng riêng ở thời điểm này thì chưa, hoặc ít ra là cũng phải lóe lên một chút nào đó trong một chuỗi thất bại.

talawas chủ nhật: *Xin cảm ơn anh Đỗ Phước Tiến đã dành cho talawas chủ nhật cuộc trò chuyện này.*